



BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
Chất lượng cao tạo nên giá trị bền vững

BẢN TIN SỐ **VỀ PHÁP LUẬT**

QUÝ I / 2023



MỤC LỤC

1. Góc trao đổi.....	3
1.1. Pháp luật về phòng chống khủng bố	
1.2. Pháp luật về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản	
2. Văn bản pháp luật có hiệu lực trong Quý I/2023	
2.1. Luật Hành chính.....	3
2.2. Luật Tài chính.....	14
2.3. Luật Lao động.....	15
2.4. Luật Dân sự.....	19
2.5. Luật Hình sự.....	22
3. Văn bản pháp luật ban hành trong Quý I/2023.....	22
3.1. Luật Hành chính.....	22
3.2. Luật Kinh tế.....	27
3.3. Luật Tài chính.....	29
3.4. Luật Ngân hàng.....	30
3.5. Luật Lao động.....	31
4. Bản án xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao	25
<i>(từ 24/12/2022-8/3/2023)</i>	



TS. Lý Văn Quyền

*Trưởng Bộ môn Tội phạm học
Khoa Pháp luật hình sự*



ThS. Lưu Hải Yên

Giảng viên Khoa Pháp luật hình sự

1. Góc trao đổi

1.1. Pháp luật về phòng chống khủng bố - TS. Lý Văn Quyền, Trưởng Bộ môn Tội phạm học, Khoa Pháp luật hình sự

Xem Video trực tiếp tại:

https://youtu.be/Ni_BU1WUgy0

1.2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản dưới góc nhìn pháp lý hình sự - ThS. Lưu Hải Yến, giảng viên Khoa Pháp luật hình sự

Xem Video trực tiếp tại:

https://youtu.be/rur5iKCb_Ec

2. Văn bản pháp luật có hiệu lực trong quý 1/2023

(Nguồn: baohinhphu.vn; thuvienphapluat.vn)



2.1. Luật Hành chính

2.1.1. Mười điểm mới cơ bản đáng chú ý Luật Điện ảnh (sửa đổi)

Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 (viết tắt là Luật Điện ảnh năm 2022) kế thừa có chỉnh lý, sửa đổi, bổ sung 32 điều, quy định mới 18 điều so với Luật Điện ảnh năm 2006. Luật Điện ảnh năm 2022 có hiệu lực từ ngày 1/1/2023 và có 10 điểm mới cơ bản phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

Sửa đổi, bổ sung khái niệm "Phim"

Thứ nhất, về khái niệm, Luật mới đã kế thừa, sửa đổi, bổ sung các khái niệm thuật ngữ quy định tại Luật Điện ảnh năm 2006 và bổ sung thuật ngữ "Công

nghiệp điện ảnh", "Phân loại phim", "Phim Việt Nam", "Trường quay" và "Địa điểm chiếu phim công cộng". Trong đó, việc sửa đổi, bổ sung khái niệm "Phim" đóng vai trò quan trọng, qua đó xác định rõ những loại sản phẩm nào trong lĩnh vực nghe nhìn được Luật Điện ảnh điều chỉnh.

Khuyến khích tăng cường, xã hội hóa hoạt động điện ảnh

Thứ hai, về chính sách của Nhà nước về phát triển điện ảnh, công nghiệp điện ảnh (Điều 5): Luật Điện ảnh năm 2022 quy định việc đầu tư và hỗ trợ vào một khoản (khoản 2 Điều 5) nhằm tạo sự linh hoạt trong chính sách của Nhà nước đối với hoạt động điện ảnh; Luật đã thể hiện rõ hơn cơ chế, biện pháp của Nhà nước huy động mọi nguồn lực đầu tư, phát triển điện ảnh, công nghiệp điện ảnh; sắp xếp lại theo nhóm chính sách để bảo đảm tính logic, phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư, ngân sách Nhà nước đồng thời khuyến khích tăng cường, xã hội hóa hoạt động điện ảnh.



Quy định chi tiết, cụ thể hơn những nội dung và hành vi bị cấm trong hoạt động điện ảnh

Thứ ba, về những nội dung và hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động điện ảnh

(Điều 9), Luật quy định chi tiết, cụ thể hơn những nội dung và hành vi bị cấm trong hoạt động điện ảnh tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuân thủ Luật.

Sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện dưới ba hình thức

Thứ tư, về sản xuất phim (Chương II), những điểm mới quan trọng được quy định tại Luật bao gồm: Hoạt động cung cấp dịch vụ dựng bối cảnh quay phim tại Việt Nam (Điều 13), Luật quy định hồ sơ xin cấp phép chỉ yêu cầu kịch bản tóm tắt phim và kịch bản chi tiết nội dung quay tại Việt Nam thay vì kịch bản phim đầy đủ theo quy định tại Luật Điện ảnh năm 2006.

Bên cạnh đó, về sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước (Điều 14) được thực hiện dưới ba hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu khác với Luật Điện ảnh năm 2006 chỉ quy định hình thức đấu thầu. Luật cũng mở rộng đối tượng chủ đầu tư sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước là các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan cứu trợ tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp ở trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Quy định mới chế độ ưu đãi đối với tổ chức nước ngoài sử dụng dịch vụ sản xuất phim Việt Nam

Thứ năm, về chế độ ưu đãi đối với tổ chức nước ngoài sử dụng dịch vụ sản xuất phim Việt Nam (Điều 41), đây là nội dung hoàn toàn mới được quy định tại Luật nhằm góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ làm điện ảnh, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, thúc đẩy phát triển điện ảnh,

du lịch và các ngành dịch vụ liên quan. Kinh nghiệm một số quốc gia trong khu vực và trên thế giới cũng áp dụng chính sách ưu đãi này để tạo sức hấp dẫn đối với các tổ chức nước ngoài sử dụng dịch vụ sản xuất phim.

Luật không quy định phát hành phim là ngành nghề kinh doanh có điều kiện

Thứ sáu, về phát hành phim (Chương III), Luật không quy định phát hành phim là ngành nghề kinh doanh có điều kiện nhằm tạo thuận lợi cho việc đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực phát hành phim.

Quy định việc phân loại độ tuổi và hiển thị mức phân loại phim, cảnh báo nội dung phim

Thứ bảy, về phổ biến phim (Chương IV), Phổ biến trên không gian mạng (Điều 21), Luật đã quy định rõ đối tượng chủ thể được phép phổ biến phim trên không gian mạng, đồng thời quy định thêm về các yêu cầu, điều kiện cần bảo đảm khi phổ biến phim trên không gian mạng như đáp ứng điều kiện thực hiện phân loại phim theo quy định của Chính phủ, thông báo danh sách phim sẽ phổ biến và kết quả phân loại phim cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi thực hiện phổ biến phim trên không gian mạng. thực hiện biện pháp kỹ thuật cần thiết và hướng dẫn để cha, mẹ hoặc người giám hộ của trẻ em tự kiểm soát, quản lý, bảo đảm trẻ em xem phim được phổ biến trên không gian mạng phù hợp với độ tuổi, cung cấp đầu mối, thông tin liên hệ để tiếp nhận, xử lý các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước; phản ánh, khiếu nại, tố cáo của người sử dụng dịch vụ.

Về cấp Giấy phép phân loại phim, thẩm định và phân loại phim (Điều 27 và Điều 31), Luật quy định phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy phép phân loại phim khi đáp ứng các quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Nội dung về phân cấp không hoàn toàn là nội dung mới trong luật, tuy nhiên quy định mới mang tính khả thi đáp ứng điều kiện thực tế hơn so với quy định tại Luật Điện ảnh năm 2006.

Về phân loại phim (Điều 32), phim Việt Nam chiếu tại rạp đã thực hiện phân loại theo độ tuổi từ năm 2017. Tuy nhiên quy định này chỉ mới áp dụng đối với phim chiếu tại rạp và chỉ được quy định tại Thông tư. Luật Điện ảnh năm 2022 quy định việc phân loại độ tuổi và hiển thị mức phân loại phim, cảnh báo nội dung phim áp dụng chung cho các phim chiếu trên mọi hình thức phổ biến.

Thời hạn lưu chiếu đối với phim nhập khẩu căn cứ theo thời hạn bản quyền phổ biến tại Việt Nam

Thứ tám, về lưu chiếu, lưu trữ phim (Chương V), định dạng kỹ thuật của phim thay đổi từ chất liệu phim nhựa sang phim kỹ thuật số nên Luật bổ sung một số quy định mới nhằm phù hợp với công nghệ điện ảnh như thời hạn lưu chiếu đối với phim nhập khẩu căn cứ theo thời hạn bản quyền phổ biến tại Việt Nam, phim Việt Nam sản xuất bằng nguồn ngân sách nhà nước phải chuyển bản phim lưu chiếu không khóa mã, kịch bản và tài liệu đi kèm cho cơ sở lưu trữ phim; Trả lại bản phim lưu chiếu cho cơ sở nộp lưu chiếu khi hết thời hạn lưu chiếu. Chủ sở hữu phim phải mở khóa

mã phim để đối chiếu, kiểm tra khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Mở rộng chủ thể được tổ chức liên hoan phim

Thứ chín, về liên hoan phim, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim tại Việt Nam (Điều 38), so với Luật điện ảnh năm 2006, Luật Điện ảnh năm 2022 đã mở rộng chủ thể được tổ chức liên hoan phim nhằm huy động nguồn lực xã hội tham gia quảng bá, tôn vinh điện ảnh trong nước. Cụ thể các Bộ, ban, ngành, các cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp được tự tổ chức liên hoan phim, giải thưởng, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim tại Việt Nam. Cơ quan, tổ chức không thuộc đối tượng nêu trên được phép tổ chức liên hoan phim, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim tại Việt Nam.

Luật đã bổ sung và làm rõ thêm mục đích của Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh

Thứ mười, về Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh, so với Luật Điện ảnh năm 2006, Luật đã bổ sung và làm rõ thêm mục đích của Quỹ (Điều 44) và nguyên tắc hoạt động của Quỹ (Điều 45) nhằm nâng cao tính khả thi./.

2.1.2. Bổ quy định nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính

Có hiệu lực từ ngày 1/1/2023, **Nghị định số 104/2022/NĐ-CP** ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú

giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

Nghị định số 104/2022/NĐ-CP bỏ quy định về việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, chủ yếu thuộc nhiều lĩnh vực như: việc làm, bảo hiểm y tế, giáo dục, y tế, đất đai, thuế, nhà ở, nhà ở xã hội, điện lực, nuôi con nuôi...

Thay vào đó, khi thực hiện các thủ tục trên, người dân chỉ cần xuất trình một trong các loại giấy tờ: Thẻ căn cước công dân, chứng minh nhân dân, giấy xác nhận thông tin về cư trú, giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Nghị định cũng bãi bỏ, thay thế một số cụm từ liên quan tới quy định về sổ hộ khẩu tại các nghị định liên quan tới một số lĩnh vực cụ thể như: điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông; hộ tịch, người có công, bảo trợ xã hội...

Các loại giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú bao gồm: Thẻ căn cước công dân, chứng minh nhân dân, giấy xác nhận thông tin về cư trú, giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Nghị định nêu rõ, cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giải

quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

Thông tin về cư trú của công dân tại thời điểm làm thủ tục hành chính được cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính ghi nhận và lưu giữ trong hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.

Việc khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được thực hiện bằng một trong bốn phương thức sau đây.

Thứ nhất, tra cứu, khai thác thông tin cá nhân qua chức năng của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh đã được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Thứ hai, tra cứu thông tin cá nhân thông qua tài khoản định danh điện tử của công dân được hiển thị trong ứng dụng VNeID.

Thứ ba, sử dụng thiết bị đầu đọc đã được kết nối trực tuyến với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bao gồm thiết bị đọc mã QRCode hoặc thiết bị đọc chip trên thẻ căn cước công dân gắn chip.

Thứ tư, các phương thức khai thác khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Trong trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức nêu trên, cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công có thể yêu cầu công dân nộp bản sao, hoặc xuất trình một trong

các giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú. Yêu cầu này được nêu cụ thể trong quyết định công bố thủ tục hành chính của bộ, cơ quan, địa phương hoặc các văn bản thông báo dịch vụ của cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ.

Các loại giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú bao gồm: Thẻ căn cước công dân, chứng minh nhân dân, giấy xác nhận thông tin về cư trú, giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2.1.3. Quy định về trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân

Chính phủ đã ban hành [Nghị định số 103/2022/NĐ-CP](#) ngày 12/12/2022 quy định về trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, có hiệu lực từ ngày 1/2/2023.



Nghị định số 103/2022/NĐ-CP quy định về vị trí pháp lý, nhiệm vụ và quyền hạn, cơ cấu tổ chức, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nhà giáo, người học, quản lý đối với trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân (sau đây gọi là trường đào tạo, bồi dưỡng).

Theo đó, Nghị định số 103/2022/NĐ-CP quy định trường đào tạo, bồi dưỡng là cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân được tổ chức, hoạt động theo quy định của Đảng và quy định của pháp luật, cụ thể:

- Trường của cơ quan nhà nước là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước.

- Trường của tổ chức chính trị là cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng; tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương; huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Trường của tổ chức chính trị - xã hội là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội.

- Trường của lực lượng vũ trang nhân dân là đơn vị trực thuộc các cấp quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an nằm trong tổ chức, biên chế của Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân Việt Nam.

Trường đào tạo, bồi dưỡng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Đảng và quy định của pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính, tài sản và các nhiệm vụ, quyền hạn trong phạm vi chức năng được giao. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của trường đào tạo, bồi dưỡng được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường do cơ quan quản lý trực tiếp phê duyệt, ban hành.

Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Trường đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của Đảng và quy định của pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Trường đào tạo, bồi dưỡng của lực lượng vũ trang nhân dân có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp và công nhân quốc phòng; bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý về nhiệm vụ và kiến thức quốc phòng, an ninh.

Về đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục ở cấp học khác: Trường đào tạo, bồi dưỡng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động đào tạo các trình độ của giáo dục đại học thì thực hiện hoạt động đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học theo quy định như đối với cơ sở giáo dục đại học. Trường đào tạo, bồi dưỡng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp thì thực hiện hoạt động đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định như đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Trường đào tạo, bồi dưỡng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động giáo dục ở mỗi cấp học thì thực hiện hoạt động giáo dục và bảo đảm chất lượng theo quy định như đối với các cơ sở giáo dục của cấp học đó.

Việc đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp phải phục vụ nhu cầu phát triển nhân lực của ngành, lĩnh vực phù hợp chủ trương của

Đảng, khả năng đầu tư của Nhà nước và khả năng huy động nguồn lực của xã hội. Nghị định nêu rõ cơ cấu tổ chức của trường đào tạo, bồi dưỡng thuộc cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội phải phù hợp với cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập, theo quy định của pháp luật có liên quan, trong đó bao gồm: Hiệu trưởng, giám đốc; phó hiệu trưởng, phó giám đốc; Hội đồng trường, hội đồng học viện thực hiện theo quy định tại Nghị định và của pháp luật có liên quan. Hội đồng khoa học và đào tạo; Khoa, phòng chức năng; đơn vị phục vụ đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học; các đơn vị, tổ chức khác (nếu có) theo nhu cầu phát triển của trường đào tạo, bồi dưỡng. Cơ cấu tổ chức của trường đào tạo, bồi dưỡng thuộc tổ chức chính trị thực hiện theo quy định của tổ chức chính trị. Cơ cấu tổ chức của trường đào tạo, bồi dưỡng thuộc lực lượng vũ trang nhân dân thực hiện theo quy định của pháp luật về lực lượng vũ trang nhân dân.

2.1.4. Tiết lộ bí mật đời tư cá nhân và bí mật khác trong hoạt động điện ảnh sẽ bị phạt đến 50 triệu đồng

Có hiệu lực từ ngày 15/2/2023, [Nghị định số 128/2022/NĐ-CP](#) ngày 32/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong

lĩnh vực du lịch; thể thao; quyền tác giả, quyền liên quan; văn hóa và quảng cáo.

Nghị định số 128/2022/NĐ-CP sửa quy định mức phạt hành vi vi phạm quy định về nội dung bị nghiêm cấm trong hoạt động điện ảnh.

Cụ thể, phạt tiền từ 40 - 50 triệu đồng đối với hành vi hoạt động điện ảnh có một trong các nội dung sau đây: Xuyên tạc lịch sử dân tộc, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, danh nhân, anh hùng dân tộc; thể hiện không đúng, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân; tiết lộ bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về an ninh mạng...

2.1.5. Hỗ trợ người trồng lúa không thấp hơn 50% kinh phí

Bộ Tài chính ban hành [Thông tư số 02/2023/TT-BTC](#) ngày 06/01/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể, địa phương sẽ quyết định thực hiện các việc sau: Hỗ trợ cho người trồng lúa: Sử dụng không thấp hơn 50% kinh phí dùng hỗ trợ cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Phần kinh phí còn lại để thực hiện các việc gồm: Phân tích chất lượng hóa, lý

tính của các vùng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất, chất lượng cao định kỳ 10 năm để sử dụng hiệu quả và có biện pháp cải tạo phù hợp: Căn cứ vào định mức kinh tế kỹ thuật, các đơn vị lập dự toán chi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại: Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa trong từng thời kỳ được cấp có thẩm quyền phê duyệt của địa phương, chất lượng đất chuyên trồng lúa nước trên địa bàn và điều kiện thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện lập phương án cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại cho cả thời kỳ và từng năm, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

Căn cứ phương án cải tạo nâng cao chất lượng đất trồng lúa được duyệt và định mức kinh tế kỹ thuật, các đơn vị lập dự toán chi cải tạo nâng cao chất lượng đất trồng lúa (tăng độ dày tầng canh tác; tôn cao đất trồng lúa trũng, thấp; tăng độ bằng phẳng mặt ruộng; thau chua, rửa mặn đối với đất nhiễm phèn, mặn và các biện pháp cải tạo đất khác) trình cấp có thẩm quyền quyết định để làm cơ sở thực hiện.

Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, trong đó ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi trên đất trồng lúa.

Khai hoang, phục hóa đất chưa sử dụng thành đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất

trồng lúa nước còn lại: Mức chi theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/02/2023.

2.1.6. Giảm 50% lệ phí khi đăng ký thường trú qua Công dịch vụ công trực tuyến

Thông tư số 75/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú có hiệu lực từ ngày 5/2/2023. Theo đó, công dân được giảm 50% lệ phí khi đăng ký thường trú qua Công dịch vụ công trực tuyến.

Thông tư nêu rõ, công dân Việt Nam khi thực hiện thủ tục đăng ký cư trú (đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú, tách hộ) với cơ quan đăng ký cư trú theo quy định pháp luật cư trú thì phải nộp lệ phí theo quy định tại Thông tư này. Mức lệ phí như sau:

Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	
		Trường hợp công dân nộp hồ sơ trực tiếp	Trường hợp công dân nộp hồ sơ qua công dịch vụ công trực tuyến
Đăng ký thường trú	Đồng/lần đăng ký	20.000	10.000
Đăng	Đồng/lần	15.000	7.000

ký tạm trú, gia hạn tạm trú (cá nhân, hộ gia đình)	đăng ký		
Đăng ký tạm trú theo danh sách, gia hạn tạm trú theo danh sách	Đồng/lần đăng ký	10.000	5.000
Tách hộ	Đồng/lần đăng ký	10.000	5.000

2.1.7. Mức chi thực hiện biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường

Thông tư số 82/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ Tài chính quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn có hiệu lực thi hành từ ngày 15/02/2023.

Theo Thông tư, NSNN chi xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể và xác định tình trạng nghiện ma túy cho các đối tượng theo quy định của Luật Phòng chống ma túy, khoản 1 Điều 18 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế: Mức chi xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể căn cứ vào hóa đơn chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong

phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mức chi xét nghiệm tình trạng nghiện ma túy theo giá dịch vụ y tế do cấp có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở công lập đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện ma túy và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chi chuyển giao đối tượng về nơi cư trú hoặc đến cơ sở bảo trợ xã hội gồm: Chi hỗ trợ cho đối tượng trong thời gian đi đường: Tiền ăn 70.000 đồng/ngày/người, tối đa không quá 03 ngày; tiền thuê phòng nghỉ (nếu có) theo mức quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

Chi tiền tàu xe hoặc thuê phương tiện vận chuyển đưa đối tượng về nơi cư trú hoặc đến cơ sở bảo trợ xã hội: Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng tại địa phương.

Chi công tác phí cho người được giao nhiệm vụ chuyển giao đối tượng: Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

Chi chăm sóc, nuôi dưỡng, hỗ trợ học văn hóa, hướng nghiệp, dạy nghề, hỗ trợ tìm việc làm của người chưa thành niên tại cơ sở bảo trợ xã hội: Áp dụng nội dung và mức chi của đối tượng bảo trợ xã hội được nuôi dưỡng, chăm sóc tại cơ sở bảo trợ xã hội theo quy định của địa phương.

2.1.8. Điều kiện cấp giấy phép tài nguyên nước

Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 01/02/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước có hiệu lực từ ngày 20/3/2023.

Trong đó, Nghị định nêu rõ quy định về điều kiện cấp giấy phép tài nguyên nước (Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển; giấy phép thăm dò nước dưới đất; giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất) phải đáp ứng các điều kiện sau:

1- Đã hoàn thành việc thông báo, lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định.
2- Có đề án, báo cáo phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch tỉnh, quy định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, quy hoạch chuyên ngành có liên quan đã được phê duyệt hoặc phù hợp với khả năng nguồn nước nếu chưa có các quy hoạch và quy định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất. Đề án, báo cáo phải do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định lập; thông tin, số liệu sử dụng để lập đề án, báo cáo phải bảo đảm đầy đủ, rõ ràng, chính xác và trung thực.



Phương án thiết kế công trình hoặc công trình khai thác tài nguyên nước phải phù hợp với quy mô, đối tượng khai thác và đáp ứng yêu cầu bảo vệ tài nguyên nước, môi trường.

3- Đối với trường hợp khai thác, sử dụng nước mặt có xây dựng hồ, đập trên sông, suối phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 của Luật Tài

nguyên nước, điều kiện quy định tại (1) và (2) nêu trên và các điều kiện sau đây: Có phương án bố trí thiết bị, nhân lực để vận hành hồ chứa, quan trắc, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước; phương án quan trắc khí tượng, thủy văn, tổ chức dự báo lượng nước đến hồ để phục vụ vận hành hồ chứa theo quy định đối với trường hợp chưa có công trình; có quy trình vận hành hồ chứa; có thiết bị, nhân lực hoặc có hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân có đủ năng lực để thực hiện việc vận hành hồ chứa, quan trắc, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước, quan trắc khí tượng, thủy văn và dự báo lượng nước đến hồ để phục vụ vận hành hồ chứa theo quy định đối với trường hợp đã có công trình.

Nghị định nêu rõ, trường hợp thăm dò, khai thác, sử dụng nước mà chưa có giấy phép tài nguyên nước, cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước khi đáp ứng các điều kiện cấp phép theo quy định trên.

Việc xử lý các hành vi vi phạm do thăm dò, khai thác, sử dụng nước không có giấy phép tài nguyên nước thực hiện theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước.

2.1.9. Hướng dẫn quản lý, thu chi tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội

Thông tư số 04/2023/TT-BTC ngày 19/01/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội, có hiệu lực thi hành từ ngày 19/3/2023.

Thông tư số 04/2023/TT-BTC quy định rõ về tiếp nhận tiền công đức, tài trợ. Theo đó, mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại để phản ánh việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội theo hình thức chuyển khoản, phương thức thanh toán điện tử.



Người đại diện cơ sở tín ngưỡng tự quyết định và chịu trách nhiệm về tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho việc bảo vệ, phát huy giá trị di tích và hoạt động lễ hội, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, pháp luật về di sản văn hóa và pháp luật khác có liên quan.

2.1.10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực tài chính

Thông tư số 11/2023/TT-BTC ngày 09/02/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Hội đồng quản lý và tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực tài chính có hiệu lực từ ngày 31/3/2023.

Theo Thông tư, cơ cấu Hội đồng quản lý gồm: Đại diện cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập, gồm đại diện của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan

thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (nếu có); người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập; đại diện tổ chức, đơn vị liên quan.

Số lượng thành viên Hội đồng quản lý từ 05 đến 11 người, gồm Chủ tịch Hội đồng quản lý, Thư ký Hội đồng quản lý và các thành viên Hội đồng quản lý. Tùy theo yêu cầu nhiệm vụ, Hội đồng quản lý có thể có Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý. Số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản lý của từng đơn vị sự nghiệp công lập cụ thể do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập quyết định.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý không quá 05 năm.

2.1.11. Các vị trí công tác định kỳ chuyển đổi lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương

Thông tư số 20/2022/TT-BKHCN ngày 30/12/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định Danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ tại chính quyền địa phương có hiệu lực từ ngày 15/3/2023.

Thông tư nêu rõ, danh mục vị trí công tác định kỳ chuyển đổi lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương bao gồm:

1- Quản lý các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ:

+ Tiếp nhận, xử lý hồ sơ xác định, đặt hàng, tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh

giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

+ Tiếp nhận, xử lý hồ sơ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

+ Kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện và sau nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

+ Thẩm định cấp giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2- Thẩm định, giám định công nghệ dự án đầu tư và chuyển giao công nghệ:

+ Thẩm định, giám định công nghệ dự án đầu tư theo quy định pháp luật;

+ Thẩm định cấp giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, cấp giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

3- Hoạt động an toàn bức xạ và hạt nhân:

+ Quản lý và thực hiện việc tiếp nhận khai báo, thẩm định an toàn, cấp giấy phép, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế;

+ Cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn tại cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế.

4- Hoạt động sở hữu trí tuệ

Thẩm định cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp theo quy định pháp luật.

5- Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng:

+ Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy phép trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng theo quy định;

+ Thẩm định cấp giấy xác nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân; Thẩm định hồ sơ đăng ký tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia của tổ chức, doanh nghiệp bước Hội đồng sơ tuyển.

6- Thẩm định, cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ; Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Thẩm định hồ sơ thành lập tổ chức khoa học và công nghệ; cấp giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.

7- Hợp tác, trao đổi khoa học và công nghệ có yếu tố nước ngoài.

Thông tư nêu rõ thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc nêu trên là từ đủ 02 năm đến 05 năm.

2.1.12. Danh mục, thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong lĩnh vực thông tin và truyền thông

Thông tư số 01/2023/TT-BTTTT ngày 01/02/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông (TT&TT) quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong lĩnh vực TT&TT tại chính quyền địa phương có hiệu lực từ 17/3/2023.

Thông tư nêu rõ danh mục vị trí công tác định kỳ chuyển đổi lĩnh vực TT&TT tại chính quyền địa phương bao gồm lĩnh vực: Báo chí; Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử; Xuất bản, In và Phát hành; Bưu chính; Công nghệ thông tin.

Thông tư quy định, thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác là từ đủ 03 năm (36 tháng) đến 05 năm (đủ 60 tháng) không bao gồm thời gian tập sự, thử việc.



Thời điểm tính thời hạn chuyển đổi vị trí công tác là thời điểm có văn bản điều động, bố trí, phân công nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền theo quy định.

2.2. Luật Tài chính:

2.2.1. Quy định mới về mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài

Thông tư số 20/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động chuyển tiền một chiều từ Việt Nam ra nước ngoài và thanh toán, chuyển tiền cho các giao dịch vãng lai khác của người cư trú là tổ chức, cá nhân có hiệu lực từ ngày 15/2/2023.

Thông tư quy định, các trường hợp mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài để phục vụ mục đích tài trợ, viện trợ của tổ chức bao gồm:

a) Mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài để tài trợ, viện trợ theo các cam kết, thỏa thuận giữa Nhà nước, Chính phủ, các cấp chính quyền địa phương với nước ngoài. Nguồn tài trợ, viện trợ là các khoản kinh phí từ ngân sách hoặc nguồn tiền của chính tổ chức tài trợ, viện trợ;

b) Mua, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để tài trợ, viện trợ khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh. Nguồn tài trợ, viện trợ là nguồn tiền đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân trong nước và/hoặc nguồn tiền của chính tổ chức tài trợ, viện trợ;

c) Mua, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để tài trợ cho các chương trình, các quỹ, dự án do tổ chức trong nước và/hoặc tổ chức ở nước ngoài thành lập nhằm mục đích hỗ trợ và khuyến khích phát triển trong các lĩnh vực: văn hóa, giáo dục (tài trợ học bổng), y tế. Nguồn tài trợ là nguồn tiền của chính tổ chức tài trợ.

Bên cạnh đó, Thông tư cũng nêu rõ các trường hợp mua, chuyển tiền một chiều ra nước ngoài của tổ chức để phục vụ mục đích khác.

2.3. Luật Lao động

2.3.1. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp bảo hiểm chủ động phát triển sản phẩm

Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 được thông qua ngày 16/6/2022, tại kỳ họp thứ ba, Quốc hội khoá XV. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2023.

Với 07 chương, 157 Điều, Luật Kinh doanh bảo hiểm đã thay đổi phương thức quản lý tài chính, quản lý doanh nghiệp cho phép xác định vốn và quản lý doanh nghiệp theo rủi ro đặc thù của từng doanh nghiệp, không cào bằng như trước đây.

Từ đó, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có tình hình tài chính tốt, quản trị lành mạnh phát triển; kịp thời chấn chỉnh các doanh nghiệp có biểu hiện chưa tốt về quản lý tài chính, quản trị rủi ro. Thị

trường minh bạch hơn do có các quy định rõ ràng về công khai thông tin.

Luật Kinh doanh bảo hiểm cũng đưa ra các quy định tạo sự chủ động trong hoạt động kinh doanh, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin và giảm thiểu thủ tục hành chính, tăng cường sự chủ động cho doanh nghiệp trong phát triển sản phẩm bảo hiểm.

Nhà đầu tư nước ngoài được góp vốn tới đa 100% vốn điều lệ

Để chủ động thực hiện các cam kết quốc tế, Luật Kinh doanh bảo hiểm đã bổ sung quy định về việc thành lập chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam.

Luật Kinh doanh bảo hiểm cũng bổ sung quy định khẳng định nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu cổ phần, phần vốn góp đến 100% vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm nhằm tạo sự rõ ràng, phù hợp với các cam kết của Việt Nam tại WTO và các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết.

Để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật có liên quan, Luật Kinh doanh bảo hiểm cũng đã có các sửa đổi, bổ sung liên quan đến hợp đồng bảo hiểm; đăng ký thành lập doanh nghiệp.

Trong đó, để đảm bảo thống nhất với Bộ Luật Dân sự, để áp dụng trong thực tế, hợp đồng bảo hiểm được sửa đổi, bổ sung quy định về hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm, hợp đồng vô hiệu, đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng; bãi bỏ quy định về thời hiệu khởi kiện, thời điểm phát sinh trách nhiệm của hợp đồng...

Phân loại rõ các loại hợp đồng bảo hiểm tương ứng với các loại hình bảo hiểm;

quy định rõ đối tượng được bảo hiểm, quyền lợi được bảo hiểm đối với từng loại hợp đồng bảo hiểm; nâng cao trách nhiệm của các chủ thể tham gia hợp đồng bảo hiểm trong việc cung cấp thông tin.

Bên cạnh đó, cũng bổ sung các quy định về nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm; quyền thỏa thuận giao kết nhiều loại hợp đồng bảo hiểm; bổ sung thời gian cân nhắc tham gia bảo hiểm nhân thọ,... để bảo đảm quyền tự thỏa thuận giữa các bên trong giao kết hợp đồng bảo hiểm.

Cắt giảm thủ tục hành chính; tăng tính bảo vệ quyền và lợi ích của bên mua bảo hiểm

Để phù hợp với thực tiễn, giải quyết những vướng mắc trong thời gian qua, Luật Kinh doanh bảo hiểm cũng có những quy định sửa đổi theo hướng bãi bỏ một số bảo hiểm bắt buộc như bảo hiểm trách nhiệm dân sự của người vận chuyển hàng không với hành khách; bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với hoạt động tư vấn pháp luật; bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Luật Kinh doanh bảo hiểm sửa đổi, bổ sung điều kiện cấp phép thành lập và hoạt động nhằm thu hút thêm nhà đầu tư mới theo hướng cho phép các tập đoàn tài chính, bảo hiểm được thành lập doanh nghiệp bảo hiểm tại Việt Nam.

Đồng thời, bổ sung các quy định về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế, phù hợp với tính chất hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhằm bảo đảm tuân thủ pháp luật, phòng ngừa, phát hiện, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro của doanh nghiệp bảo hiểm.

Cho phép doanh nghiệp bảo hiểm chủ động trong việc thiết kế, xây dựng sản phẩm bảo hiểm



Về hoạt động nghiệp vụ, Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định cho phép doanh nghiệp bảo hiểm chủ động trong việc thiết kế, xây dựng sản phẩm bảo hiểm và chỉ phải đăng ký với Bộ Tài chính phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới (trừ bảo hiểm bắt buộc); bổ sung quy định về hoạt động thuê ngoài.

Nhằm cắt giảm thủ tục hành chính, Luật Kinh doanh bảo hiểm bãi bỏ quy định phải chấp thuận đối với đóng, mở, thay đổi địa điểm đặt chi nhánh, văn phòng đại diện và thay bằng hình thức thông báo với Bộ Tài chính trước khi có thay đổi.

Luật Kinh doanh bảo hiểm bổ sung quy định cơ cấu tổ chức quản lý của doanh nghiệp bảo hiểm, người quản lý, người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm; các nguyên tắc phân công, đảm nhiệm chức vụ nhằm tránh kiêm nhiệm nhiều, bãi nhiệm, miễn nhiệm, đình chỉ, tạm đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên/Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc/Giám đốc, chuyên gia tính toán nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của bên mua bảo hiểm.

Bổ sung quy định về an toàn tài chính

Luật Kinh doanh bảo hiểm cũng bổ sung quy định về an toàn tài chính, trong trường hợp tỷ lệ an toàn vốn ở mức phải áp dụng biện pháp can thiệp, biện pháp cải thiện sớm, biện pháp kiểm soát, quy định trách nhiệm của doanh nghiệp, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát,....

Bổ sung yêu cầu công khai thông tin định kỳ, công khai thông tin thường xuyên; công khai thông tin bất thường để đảm bảo thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm rõ ràng, minh bạch.

Đồng thời, bổ sung nguyên tắc, yêu cầu, đối tượng và hình thức cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng để phù hợp với xu thế cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2.3.2. Chế độ bảo hiểm xã hội, hỗ trợ đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty Nhà nước từ 15/01/2023



Nghị định số 97/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có hiệu lực từ ngày 15/01/2023.

Trong đó, chính sách đối với người lao động dôi dư được tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21/4/1998 hoặc trước ngày 26/4/2002 như sau:

- Lao động dôi dư có tuổi thấp hơn từ đủ 01 - 05 tuổi so với tuổi nghỉ hưu, có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên thì được hưởng lương hưu và các chế độ gồm:

+ Không bị trừ tỷ lệ hưởng lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi;

+ Trợ cấp 03 tháng tiền lương/năm (đủ 12 tháng, không tính tháng lẻ) nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu;

+ Hỗ trợ khoản tiền bằng 0,4 mức lương tối thiểu tháng tính bình quân cho mỗi năm làm việc có đóng bảo hiểm xã hội.

- Lao động dôi dư có tuổi thấp hơn dưới 01 tuổi so với tuổi nghỉ hưu, có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên được hưởng lương hưu và các chế độ gồm:

+ Không bị trừ tỷ lệ hưởng lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi;

+ Hỗ trợ khoản tiền bằng 0,2 mức lương tối thiểu một tháng bình quân cho mỗi năm làm việc có đóng bảo hiểm xã hội.

- Lao động dôi dư đủ tuổi nghỉ hưu nhưng còn thiếu thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tối đa 06 tháng để đủ điều kiện hưởng lương hưu thì được Nhà nước đóng một lần cho số tháng còn thiếu vào quỹ hưu trí và tử tuất để giải quyết chế độ hưu trí...

2.3.3. Các trường hợp ký hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập có hiệu lực từ ngày 22/2/2023.

Nghị định nêu rõ các công việc thực hiện hợp đồng bao gồm:

1- Các công việc hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quản lý và áp dụng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật lao động, pháp luật dân sự và quy định của pháp luật khác có liên quan, gồm:

- Lái xe, bảo vệ, trừ trường hợp quy định tại mục 2 ở dưới;
- Lễ tân, phục vụ; tạp vụ; trông giữ phương tiện; bảo trì, bảo dưỡng, vận hành trụ sở, trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Công việc hỗ trợ, phục vụ khác thuộc danh mục vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập không được xác định là công chức, viên chức theo quy định của pháp luật.



2- Các công việc hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan hành chính thực hiện quản lý và áp dụng chế độ, chính sách như công chức, gồm:

- Bảo vệ ở các cơ quan, đơn vị: Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ; Kho tiền hoặc Kho hồ sơ ấn chỉ có giá trị như tiền của Ngân hàng Nhà nước, Kho bạc Nhà nước, Kho ấn chỉ thuế, Kho ấn chỉ hải quan;
- Lái xe phục vụ Bộ trưởng hoặc chức vụ, chức danh tương đương Bộ trưởng

trở lên; lái xe chuyên dùng chuyên chở tiền của Ngân hàng Nhà nước, Kho bạc Nhà nước;

- Người làm công việc hỗ trợ, phục vụ khác tại cơ quan trọng yếu, cơ mật ở Trung ương theo quyết định của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý.

3- Các công việc chuyên môn, nghiệp vụ thuộc danh mục vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung trong đơn vị sự nghiệp công lập.

2.3.4. Từ ngày 1/3/2022 tăng mức bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động Theo [Thông tư số 24/2022/TT-BLĐTBXH](#) ngày 30/11/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố độc hại có hiệu lực từ ngày 1/3/2023, mức bồi dưỡng bằng hiện vật được tính theo định suất hàng ngày và có giá trị bằng tiền như sau:

- Mức 1: 13.000 đồng (tăng 3.000 đồng);
 - Mức 2: 20.000 đồng (tăng 5.000 đồng);
 - Mức 3: 26.000 đồng (tăng 6.000 đồng);
 - Mức 4: 32.000 đồng (tăng 7.000 đồng).
- Đối với người lao động đủ điều kiện hưởng bồi dưỡng thì mức bồi dưỡng cụ thể theo từng nghề, công việc được quy định tại Phụ lục I của Thông tư số 24/2022/TT-BLĐTBXH và được áp dụng theo thời gian làm việc tương ứng như sau:
- Nếu làm việc từ 50% thời giờ làm việc bình thường trở lên của ngày làm việc thì được hưởng cả định suất bồi dưỡng;

- Nếu làm dưới 50% thời giờ làm việc bình thường của ngày làm việc thì được hưởng nửa định suất bồi dưỡng;
- Trong trường hợp người lao động làm thêm giờ, định suất bồi dưỡng bằng hiện vật được tăng lên tương ứng với số giờ làm thêm theo nguyên tắc trên.

2.4. Luật Dân sự:

2.4.1. Bảy chính sách lớn, điểm mới căn bản và quan trọng nhất trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ

Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi được Quốc hội khóa XV thông qua vào kỳ họp thứ 3, ngày 16/6/2022.



Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2023, trừ quy định về bảo hộ nhãn hiệu là dấu hiệu âm thanh có hiệu lực thi hành từ ngày 14/1/2022, trong khi quy định về bảo hộ dữ liệu thử nghiệm dùng cho nông hóa phẩm có hiệu lực thi hành từ ngày 14/1/2024.

Nội dung sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ tập trung vào 7 nhóm chính sách lớn, bao gồm:

Chính sách 1: Đảm bảo quy định rõ về tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan trong các trường hợp chuyển nhượng, chuyển giao Quyền tác giả (QTG),

Quyền liên quan đến quyền tác giả (QLQ).

- Các quy định liên quan đến xác định chủ thể nắm giữ quyền tài sản (chủ sở hữu, tác giả, người biểu diễn) được quy định rõ ràng và cụ thể hơn, giúp cho quá trình chuyển nhượng quyền sở hữu, chuyển quyền sử dụng trong các hợp đồng chuyển nhượng, chuyển giao QTG, QLQ được thuận lợi hơn.

- Điểm nổi bật của dự thảo Luật là quy định cho phép chuyển giao một số quyền nhân thân theo thỏa thuận (thỏa thuận đặt tên, sửa đổi tác phẩm) phù hợp với đặc thù của lĩnh vực quyền tác giả nhằm giải quyết những vướng mắc tồn tại trong thực tiễn thời gian qua như trường hợp có nhu cầu thay đổi tên tác phẩm, sửa đổi, nâng cấp chương trình máy tính v.v.

Chính sách 2: Khuyến khích tạo ra, khai thác và phổ biến sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng được tạo ra từ nhiệm vụ KHCN sử dụng ngân sách Nhà nước.

Luật quy định trao quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cho tổ chức chủ trì một cách tự động và không bồi hoàn, đồng thời có cơ chế phân chia hợp lý lợi ích giữa Nhà nước, cơ quan chủ trì và tác giả phù hợp với tinh thần của Nghị quyết số 20-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa 11.

Quy định này không chỉ khắc phục các bất cập hiện nay về việc đăng ký và khai thác các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ do nhà nước đầu tư mà còn là cú hích để

khuyến khích các chủ thể nghiên cứu nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ động đăng ký, khai thác các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng được tạo ra; thúc đẩy quan hệ hợp tác với doanh nghiệp để chuyển giao công nghệ, thương mại hóa và thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư để phát triển, nghiên cứu sản phẩm, qua đó thu về nhiều lợi ích kinh tế cũng như đạt được các mục tiêu về an sinh xã hội.

Chính sách 3: Tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện thủ tục đăng ký QTG, QLQ, thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp.

Theo đó, dù là quyền được xác lập tự động mà không qua đăng ký (trong lĩnh vực QTG, QLQ) hay phải đăng ký (lĩnh vực sở hữu công nghiệp), thì các quy định liên quan đến thủ tục, thời hạn, thành phần hồ sơ,... tiếp tục được hoàn thiện theo hướng gọn nhẹ, nhanh chóng, thuận tiện, minh bạch để khuyến khích, gia tăng hoạt động đăng ký, xác lập quyền sở hữu trí tuệ nhằm tạo cơ sở, bằng chứng vững chắc trong việc xác định chủ thể quyền và đối tượng được bảo hộ, làm tiền đề cho việc khai thác quyền cũng như thực thi quyền sau này.

Một số sửa đổi cụ thể bao gồm: tạo cơ sở pháp lý để tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký trực tuyến QTG, QLQ; phân luồng ý kiến người thứ ba để đẩy nhanh quá trình thẩm định đơn; đơn giản hóa bản mô tả kiểu dáng công nghiệp; giới hạn việc kiểm soát an ninh đối với sáng chế; cho phép trì hoãn công bố đơn kiểu dáng công nghiệp; bổ sung một số quy định đặc thù về thủ tục giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực SHCN.

Chính sách 4: Đảm bảo mức độ bảo hộ thỏa đáng và cân bằng trong bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Theo đó, các quy định liên quan đến bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ được sửa đổi, hoàn thiện để bảo đảm mức độ bảo hộ thỏa đáng và cân bằng giữa một bên là quyền lợi của chủ thể quyền và một bên là quyền sử dụng, quyền tiếp cận tri thức, công nghệ của xã hội. Cụ thể:

- Bổ sung một số trường hợp ngoại lệ không xâm phạm QTG, QLQ, các giới hạn QTG, QLQ nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích giữa chủ thể quyền tác giả với tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng và công chúng hưởng thụ tiếp cận tác phẩm, đảm bảo thực thi các cam kết quốc tế và phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

- Bổ sung một số quy định nhằm kiểm soát sáng chế có sử dụng nguồn gen và tri thức truyền thống về nguồn gen; bổ sung một số căn cứ chấm dứt hiệu lực, huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ (sáng chế, nhãn hiệu); xử lý xung đột giữa nhãn hiệu với tên giống cây trồng, với đối tượng QTG, QLQ; sửa đổi các quy định về chủ thể đối với chỉ dẫn địa lý; làm rõ điều kiện bị coi là cạnh tranh không lành mạnh giữa tên miền với nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý có trước.

Chính sách 5: Tăng cường hiệu quả hoạt động hỗ trợ về sở hữu trí tuệ.

Các nội dung sửa đổi nhằm đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ cho hệ thống sở hữu trí tuệ (bao gồm hoạt động đại diện, giám định), cụ thể là sửa đổi, bổ sung một số quy định theo hướng mở hơn nhằm tạo tính cạnh tranh trong cung cấp dịch vụ đại diện (phân chia đại diện theo lĩnh

vực; nói lỏng điều kiện được cấp Chứng chỉ hành nghề đại diện tùy theo lĩnh vực); sửa đổi quy định về giám định theo hướng xác định rõ phạm vi giữa giám định sở hữu trí tuệ với giám định tư pháp về sở hữu trí tuệ; làm rõ ý nghĩa mang tính chứng cứ của kết luận giám định sở hữu trí tuệ);

Chính sách 6: Nâng cao hiệu quả của hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Các quy định liên quan đến thực thi quyền được sửa đổi nhằm bảo đảm cơ chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được hiệu quả, hợp lý và khả thi hơn, trong đó đáng chú ý là quy định bổ sung thẩm quyền chủ động áp dụng biện pháp kiểm soát tại biên giới nếu trong quá trình kiểm tra, giám sát và kiểm soát cơ quan hải quan phát hiện căn cứ rõ ràng để nghi ngờ hàng hóa xuất, nhập khẩu là hàng giả mạo sở hữu trí tuệ.

Chính sách 7: Bảo đảm thi hành đầy đủ và nghiêm túc các cam kết quốc tế của Việt Nam về bảo hộ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập.

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến biện pháp công nghệ bảo vệ quyền và thông tin quản lý quyền để đảm bảo thực thi trong môi trường số; một số quy định về ngoại lệ QTG, QLQ;

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến bảo hộ nhãn hiệu âm thanh; chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ đối với nhãn hiệu; cơ chế bảo đảm thông tin cho chủ bằng sáng chế thực thi quyền trong thủ tục cấp phép lưu hành thị trường đối với dược phẩm; nghĩa vụ bảo hộ dữ liệu bí mật trong đơn xin cấp phép nông hóa phẩm; cơ chế đền bù cho chủ

sở hữu sáng chế vì sự chậm trễ trong việc cấp phép lưu hành dược phẩm; giả định về QTG, QLQ; quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trên môi trường mạng Internet và mạng viễn thông; nghĩa vụ chủ động tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị nghi ngờ là hàng giả mạo sở hữu trí tuệ.

2.4.2. Bốn trường hợp đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tài sản

Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Bình Minh ký ban hành [Nghị định số 99/2022/NĐ-CP](#) ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm có hiệu lực từ 15/1/2023. Trong đó, Nghị định quy định rõ 4 trường hợp đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tài sản (biện pháp bảo đảm). 4 trường hợp đăng ký biện pháp bảo đảm gồm:

- 1- Đăng ký thế chấp tài sản, cầm cố tài sản, bảo lưu quyền sở hữu theo quy định của Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan;
- 2- Đăng ký theo thỏa thuận giữa bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm hoặc theo yêu cầu của bên nhận bảo đảm, trừ cầm giữ tài sản;
- 3- Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp một tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ mà có nhiều bên cùng nhận bảo đảm hoặc trong trường hợp bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm có thỏa thuận;
- 4- Đăng ký thay đổi nội dung đã được đăng ký (đăng ký thay đổi); xóa đăng ký nội dung đã được đăng ký (xóa đăng ký) đối với trường hợp quy định tại các điểm 1, 2 và 3 trên.

2.5. Luật Hình sự

2.5.1. Nhiệm vụ chính của Cảnh sát cơ động là "sử dụng biện pháp vũ trang là chủ yếu để chống hành vi bạo loạn, khủng bố"

Có hiệu lực từ ngày 1/1/2023, Luật Cảnh sát cơ động gồm 5 Chương 33 Điều quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Cảnh sát cơ động; điều kiện bảo đảm và chế độ, chính sách; quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với Cảnh sát cơ động.

Trong đó, Luật tiếp tục khẳng định và làm rõ chức năng của Cảnh sát cơ động trong việc làm "nòng cốt thực hiện biện pháp vũ trang bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội";

Luật Cảnh sát cơ động quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động, xác định nhiệm vụ chính của Cảnh sát cơ động là "sử dụng biện pháp vũ trang là chủ yếu để chống hành vi bạo loạn, khủng bố".

Nhiều điểm mới về tổ chức lực lượng Cảnh sát cơ động

Bên cạnh đó, Luật Cảnh sát cơ động cũng có nhiều điểm mới về tổ chức lực lượng cảnh sát cơ động, như bổ sung lực lượng kỹ binh, trung đoàn không quân Công an nhân dân,...

Luật cũng bổ sung một số thẩm quyền cho lực lượng Cảnh sát cơ động như được phép ngăn chặn, vô hiệu hóa tàu bay không người lái và các thiết bị bay siêu nhẹ, được huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự trong trường hợp cấp bách.

Luật Cảnh sát cơ động là cơ sở pháp lý hoàn chỉnh để lực lượng cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật

tự, phòng chống các loại tội phạm, hành vi vi phạm pháp luật hiệu quả hơn.

Đáng chú ý, công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên không phân biệt nam, nữ, có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe, lý lịch đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định và tự nguyện phục vụ trong Cảnh sát cơ động; có văn bằng, chứng chỉ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ hoặc có kỹ năng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động là một trong những điều kiện, tiêu chuẩn tuyển chọn công dân vào Cảnh sát cơ động.

3. Văn bản pháp luật ban hành trong quý 1/2023

3.1. Luật Hành chính

3.1.1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh có nhiều điểm mới

Sáng 3/2, tại Phủ Chủ tịch, Văn phòng Chủ tịch nước tổ chức họp báo công bố Lệnh của quyền Chủ tịch nước công bố Luật Khám bệnh, chữa bệnh vừa được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ 2.



Đại diện cơ quan chủ trì soạn thảo trình bày nội dung cơ bản của luật, GS.TS Trần Văn Thuấn, Thứ trưởng Bộ Y tế cho biết, Luật gồm 12 chương và 121 điều, có một số điểm mới cơ bản như:

Nâng cao kỹ năng hành nghề, tăng cường quản lý hoạt động của người hành nghề; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; đổi mới một số quy định liên quan điều kiện bảo đảm thực hiện cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh...

Đáng chú ý, Luật đã quy định mở rộng đối tượng hành nghề; thay đổi từ việc cấp giấy phép hành nghề theo văn bằng chuyên môn sang quy định cấp giấy phép hành nghề theo chức danh chuyên môn.

Đồng thời, nâng cao, chuẩn hóa kỹ năng của người hành nghề như: Thay đổi phương thức cấp giấy phép hành nghề từ việc cấp giấy phép hành nghề thông qua xét hồ sơ sang quy định phải kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề trước khi cấp giấy phép hành nghề; quy định giấy phép hành nghề có giá trị 5 năm và quy định cập nhật kiến thức y khoa là một trong các điều kiện để gia hạn giấy phép hành nghề.

Luật cũng quy định người nước ngoài hành nghề hành nghề lâu dài tại Việt Nam và khám bệnh, chữa bệnh cho người Việt Nam phải sử dụng tiếng Việt thành thạo trong khám bệnh, chữa bệnh, trừ một số trường hợp hợp tác trao đổi chuyên gia, chuyển giao kỹ thuật, đào tạo; áp dụng kê đơn thuốc điện tử, bệnh án điện tử và các thông tin này phải kết nối với Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh để kiểm soát, giám sát chất lượng cung cấp dịch vụ của người hành nghề và liên

thông kết quả khám bệnh, chữa bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Về nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Luật đã bổ sung quy định bắt buộc cơ sở phải tự phải đánh giá chất lượng khám bệnh, chữa bệnh theo bộ tiêu chuẩn chất lượng cơ bản do Bộ Y tế ban hành theo định kỳ hàng năm và phải cập nhật kết quả tự đánh giá lên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh để làm căn cứ cho việc kiểm tra, đánh giá, cũng như công khai thông tin về chất lượng của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Bổ sung quy định cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải ứng dụng công nghệ thông tin nhằm mục tiêu từng bước liên thông kết quả khám bệnh, chữa bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, tạo thuận lợi cho người bệnh, đồng thời cũng là giải pháp để quản lý hoạt động hành nghề của các tổ chức, cá nhân.

Để tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, Luật đã thay đổi từ 4 tuyến chuyên môn thành 3 cấp chuyên môn; cho phép phòng khám đa khoa tư nhân tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tổ chức giường lưu để theo dõi và điều trị người bệnh nhưng tối đa không quá 72 giờ.

Phát triển hoạt động khám bệnh, chữa bệnh từ xa để góp phần đạt được việc bao phủ sức khỏe toàn dân bằng cách cải thiện khả năng tiếp cận của người bệnh với các dịch vụ y tế có chất lượng, hiệu quả về chi phí, mọi lúc mọi nơi, đặc biệt đối với các bệnh ít nghiêm trọng, mạn tính cần được chăm sóc lâu dài và thường xuyên...

3.1.2. Nghị định số 111/2022/NĐ-CP góp phần giải quyết vướng mắc về nhân lực trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, có hiệu lực thi hành từ ngày 22/2/2023 đã giải quyết vướng mắc về nhân lực. Nghị định cụ thể hóa các quy định chung về hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm thống nhất, đồng bộ các chính sách, các quy định liên quan đến người lao động trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và định hướng cải cách tiền lương đã được đề ra; nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026; giải quyết triệt để các khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn sau hơn 20 năm thực hiện các quy định của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và gần 3 năm thực hiện quy định sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP. Nhiều điểm mới cụ thể hơn:

Nghị định số 111/2022/NĐ-CP (NĐ 111) gồm 4 chương, 15 điều, trong đó bổ sung nhiều quy định mới. Về đối tượng áp dụng, không chỉ có cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) công lập của Nhà nước mà còn của Đảng, MTTQ Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp. NĐ 111 nêu rõ 3 loại công việc thực hiện hợp đồng: Các công việc hỗ trợ, phục vụ trong các cơ quan hành chính và ĐVSN công lập thực hiện quản lý và áp dụng

chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật lao động, pháp luật dân sự và quy định của pháp luật khác có liên quan; các công việc hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan hành chính thực hiện quản lý và áp dụng chế độ, chính sách như công chức; các công việc chuyên môn, nghiệp vụ thuộc danh mục vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, chuyên môn dùng chung trong các ĐVSN công lập.

Đơn vị sự nghiệp công lập được ký hợp đồng theo nhu cầu

Để vừa bảo đảm giải quyết vướng mắc về nhân lực, đặc biệt đối trong lĩnh vực sự nghiệp y tế và sự nghiệp giáo dục, vừa hạn chế việc các đơn vị sự nghiệp công lập lạm dụng hợp đồng, không thực hiện tuyển dụng, Nghị định số 111/2022/NĐ-CP đã quy định cụ thể việc ký kết hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ.

Theo đó, các đơn vị sự nghiệp công lập được ký kết hợp đồng lao động theo nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của đơn vị.

Đơn vị nhóm 3 và nhóm 4 nếu còn số lượng người làm việc đã được cấp có thẩm quyền giao thì phải thực hiện tuyển dụng đối với số được giao.

Việc ký kết hợp đồng dịch vụ với đơn vị, tổ chức ngoài công lập để thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực giáo dục và y tế chỉ được thực hiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp tỉnh nơi tổ chức chính quyền đô thị và nơi thí điểm tổ chức chính quyền đô thị. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Trung ương quản lý nằm trên địa bàn các địa phương nêu trên do bộ, cơ quan

ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan quản lý ở Trung ương quyết định.

Nghị định mới quy định rõ về kinh phí thực hiện ký hợp đồng để giải quyết khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn thực hiện và bảo đảm kinh phí triển khai thực hiện các quy định mới.

Đối với cơ quan hành chính thì kinh phí thực hiện hợp đồng công việc hỗ trợ, phục vụ từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu khác (nếu có), nằm ngoài quỹ lương của cơ quan.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thì kinh phí thực hiện hợp đồng lao động công việc hỗ trợ, phục vụ, chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách. Đối với các đơn vị thực hiện cơ chế tài chính đặc thù thì thực hiện theo cơ chế tài chính đặc thù do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Để bảo đảm chế độ, quyền lợi cho người lao động đã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP và Nghị quyết số 102/NQ-CP, Nghị định số 111/2022/NĐ-CP đã quy định cụ thể các trường hợp chuyển tiếp khi chuyển sang thực hiện theo quy định mới.

Theo đó, người lao động được tiếp tục làm việc hoặc được giải quyết chế độ thôi việc, tính giảm biên chế tùy thuộc vào nhu cầu và điều kiện cụ thể của các bên.

Bên cạnh đó, trường hợp người lao động theo quy định tại khoản này còn dưới 24 tháng đến thời điểm nghỉ hưu tính từ ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện công việc và chế độ, chính

sách đang hưởng mà không phải ký hợp đồng lao động theo quy định tại Nghị định này.

Người đang làm các công việc hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan hành chính thực hiện quản lý và áp dụng chế độ, chính sách như công chức đang ký hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thì không phải ký lại hợp đồng theo quy định tại Nghị định này.

Các quy định mới tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP không phát sinh thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính; bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về lao động, cán bộ, công chức, viên chức, dân sự và không phát sinh nội dung đặc thù về giới và bình đẳng giới trong Nghị định.

3.1.3. Quy định mới về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

Chính phủ mới đây đã ban hành [Nghị định số 109/2022/NĐ-CP](#) ngày 30/12/2022 quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.



Nghị định này quy định về tổ chức và quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học; nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh

trong cơ sở giáo dục đại học; hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Nguyên tắc quản lý hoạt động khoa học và công nghệ. Về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, Nghị định quy định cơ sở giáo dục đại học ban hành và tổ chức thực hiện quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ theo nguyên tắc sau:

1- Hoạt động khoa học và công nghệ cùng hoạt động đào tạo là nhiệm vụ chính của cơ sở giáo dục đại học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội của đất nước;

2- Xác định rõ vai trò, quyền và trách nhiệm của các đơn vị, giảng viên và người học trong cơ sở giáo dục đại học đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

3- Kết quả và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ của các đơn vị thuộc và trực thuộc, giảng viên, người học trong cơ sở giáo dục đại học là căn cứ để xem xét đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, xếp loại thi đua và giải quyết các chế độ, chính sách có liên quan.

Cơ sở giáo dục đại học có bộ phận quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ cấu tổ chức theo quy định. Cơ sở giáo dục đại học quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý hoạt động khoa học và công nghệ.

Bộ phận quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học có các giảng viên kiêm nhiệm, cán bộ chuyên trách và các chuyên gia kiêm nhiệm công tác chuyên môn từ các đơn vị trực thuộc để tư vấn thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của đơn vị.

Nghị định quy định, cơ sở giáo dục đại học được thành lập doanh nghiệp theo pháp luật về doanh nghiệp, phù hợp với định hướng phát triển của cơ sở giáo dục đại học. Doanh nghiệp trong cơ sở giáo dục đại học đủ điều kiện theo quy định được đăng ký chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Cơ sở giáo dục đại học công lập được góp vốn bằng tài sản trí tuệ là kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nguồn gốc ngân sách nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền giao quản lý sử dụng để liên doanh, liên kết nếu đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về sở hữu trí tuệ, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan khác.

Cơ sở giáo dục đại học công lập được giao quyền sử dụng theo hình thức ghi tăng tài sản, cơ sở giáo dục đại học tự thực được giao quyền sở hữu tài sản và phải hoàn trả giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nguồn gốc ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Việc thương mại hóa và đăng ký chứng nhận doanh nghiệp khoa học và

công nghệ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Nghị định nêu rõ các quy định trên không áp dụng đối với trường hợp kết quả khoa học và công nghệ thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

3.2. Luật Kinh tế

3.2.1. Ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính

Ngày 13/2, Chính phủ đã ban hành **Nghị định số 04/2023/NĐ-CP** sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính.



Thay đổi thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận. Theo quy định tại Nghị định số 49/2018/NĐ-CP ngày 30/3/2018 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp, cấp lại, và thu hồi Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoạt động kiểm định, đình chỉ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Tại Nghị định số 04/2023/NĐ-CP, Chính phủ quy định: Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định; đình chỉ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Thay đổi thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận. Nghị định số 04/2023/NĐ-CP cũng sửa đổi thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoạt động kiểm định.

Theo đó, thay vì gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ đăng ký cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; Nghị định mới quy định cụ thể: Tổ chức có nhu cầu cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, căn cứ vào các quy định, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thẩm định, trình Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có văn bản trả lời cho tổ chức có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, căn cứ vào các quy định, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thẩm định, trình Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ

ngày nhận được hồ sơ, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có văn bản trả lời cho tổ chức có nhu cầu cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định và nêu rõ lý do.

Trình tự thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định. Nghị định nêu rõ, trình tự thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định như sau:

Trường hợp tổ chức kiểm định đề nghị chấm dứt hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp:

Tổ chức kiểm định gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tại cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp xem xét, trình Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có văn bản trả lời cho tổ chức kiểm định đề nghị chấm dứt hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và nêu rõ lý do.

Trường hợp bị buộc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp lập hồ sơ, trình Tổng cục

trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định.

3.2.2. Quy định điều chỉnh đơn giá và giá hợp đồng xây dựng

Bộ Xây dựng đã ban hành [Thông tư số 02/2023/TT-BXD](#) ngày 03/03/2023 hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

Trong đó, Thông tư quy định việc điều chỉnh đơn giá và giá hợp đồng xây dựng. Theo đó, việc điều chỉnh đơn giá hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

Khi điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng dẫn đến phải điều chỉnh, bổ sung hợp đồng thì phải ký kết phụ lục hợp đồng làm cơ sở điều chỉnh giá hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm phê duyệt hoặc trình phê duyệt dự toán điều chỉnh, phát sinh theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và hợp đồng xây dựng làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này. Việc áp dụng các phương pháp điều chỉnh giá phải phù hợp với tính chất công việc, loại giá hợp đồng, đồng tiền thanh toán và phải được thỏa thuận trong hợp đồng.

Đối với hợp đồng tư vấn xây dựng thực hiện thanh toán theo thời gian (theo tháng, tuần, ngày, giờ) thì việc điều chỉnh mức tiền lương cho chuyên gia thực hiện theo công thức điều chỉnh cho một yếu tố

chi phí nhân công tại mục I Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng

Bên cạnh đó, Thông tư cũng quy định việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Bên giao thầu và Bên nhận thầu có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

a) Bên giao thầu, Bên nhận thầu căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

b) Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Bên giao thầu, Bên nhận thầu căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 20/4/2023.

3.3. Luật Tài chính

3.3.1. Nghị định số 08/2023/NĐ-CP: Nhiều quy định quan trọng, khơi thông thị trường trái phiếu

Chia sẻ về những điểm mới cũng như mục tiêu khi ban hành Nghị định này, Thứ trưởng Bộ Tài chính Nguyễn Đức Chi cho biết: Vừa qua, Bộ Tài chính đã phối hợp với các bộ ngành có liên quan trình Chính phủ ban hành [Nghị định số 08/2023/NĐ-CP](#) ngày 05/03/2023 sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế. Chúng ta có thể điểm những nội dung quan trọng của Nghị định như sau:



Thứ nhất là, Nghị định số 08/2023/NĐ-CP quy định các doanh nghiệp phát hành trái phiếu trong trường hợp gặp khó khăn khi thanh toán gốc và lãi trái phiếu có thể sử dụng các tài sản hợp pháp của mình để đàm phán với các nhà đầu tư thanh toán bằng tài sản.

Việc này dựa trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật dân sự và các pháp luật có liên quan, được sự nhất trí của các nhà đầu tư và phải đảm bảo tính

pháp lý của tài sản cũng như công bố các thông tin có liên quan.

Thứ hai là, Nghị định số 08/2023/NĐ-CP quy định các doanh nghiệp nếu gặp khó khăn thì có thể đàm phán với các nhà đầu tư để gia hạn thêm thời gian đối với trái phiếu. Thời gia gia hạn tối đa là 2 năm, cũng trên nguyên tắc là được sự nhất trí của các nhà đầu tư.

Trong trường hợp nhà đầu tư không nhất trí thì doanh nghiệp vẫn phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình trên cơ sở các quy định trong phương án đã công bố trước đây.

Thứ ba là, Nghị định số 08/2023/NĐ-CP cũng cho phép tạm ngưng một số quy định tại Nghị định số 65/2022/NĐ-CP.

Đó là: ngưng quy định xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân; ngưng các quy định về xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành; ngưng về thời gian để phát hành đối với một đợt trái phiếu.

3.3.2. Sửa đổi, bổ sung một số quy định về thuế Giá trị gia tăng

Ngày 28/02/2023, Bộ Tài chính ban hành [Thông tư số 13/2023/TT-BTC](#) về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP và sửa đổi, bổ sung Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày

29/9/2021 của Bộ Tài chính, có hiệu lực từ ngày 14/4/2023.

Theo đó, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2013/TT-BTC. Cụ thể, đối với hoạt động chuyên nhượng bất động sản, giá tính thuế giá trị gia tăng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ (Nghị định số 49/2022/NĐ-CP).

Bên cạnh đó, giá tính thuế đối với hoạt động sản xuất điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP.

Ngoài ra, tài liệu liên quan về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong giai đoạn đầu tư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP gồm: Bản sao một trong các hình thức Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận về kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

3.4. Luật Ngân hàng

3.4.1. Quy định về quỹ tín dụng nhân dân

Ngày 01/3/2023, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành [Thông tư số 01/2023/TT-NHNN](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 quy định về quỹ tín dụng nhân dân (sau đây gọi là Thông tư số 04/2015/TT-NHNN).

Theo đó, Thông tư sửa đổi một số nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép

thành lập và hoạt động quỹ tín dụng như: Sổ thẻ Căn cước công dân hoặc sổ Chứng minh nhân dân hoặc sổ Hộ chiếu đối với thành viên là cá nhân; sổ thẻ Căn cước công dân hoặc sổ Chứng minh nhân dân hoặc sổ Hộ chiếu của người đại diện hộ gia đình đối với thành viên là hộ gia đình; mã số doanh nghiệp hoặc sổ Quyết định thành lập hoặc sổ giấy tờ khác có giá trị tương đương và sổ thẻ Căn cước công dân hoặc sổ Chứng minh nhân dân hoặc sổ Hộ chiếu của người đại diện phần vốn góp đối với thành viên là pháp nhân.



So với Thông tư 04/2015/TT-NHNN, Thông tư mới quy định: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khai thác các thông tin cần thiết trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi xem xét, thẩm định thông tin về cư trú. Trong trường hợp không khai thác được các thông tin cần thiết trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có quyền yêu cầu Ban trụ bị cung cấp bản sao một trong các giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú theo quy định của pháp luật về khai thác, sử dụng thông tin về cư trú để giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

- Mã số doanh nghiệp hoặc sổ Quyết định thành lập hoặc sổ giấy tờ khác có giá trị tương đương với thành viên là pháp nhân.

- Giấy xác nhận nơi công tác, bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng làm việc của cơ quan, đơn vị tuyển dụng đối với thành viên góp vốn là cán bộ, công chức, viên chức.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương. (Thông tư 04/2015/TT-NHNN chỉ cho phép nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).

3.5. Luật Lao động

3.5.1. Tăng phụ cấp ưu đãi đối với viên chức y tế dự phòng, y tế cơ sở

Chính phủ ban hành Nghị định số 05/2023/NĐ-CP ngày 15/2/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập. Cụ thể, bổ sung khoản 7 vào Điều 3 Nghị định số 56/2011/NĐ-CP như sau: "Mức phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức y tế dự phòng, y tế cơ sở áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023:

Mức phụ cấp 100% áp dụng đối với viên chức thường xuyên, trực tiếp làm chuyên môn y tế dự phòng (bao gồm cả kiểm dịch y tế biên giới); làm chuyên môn y tế tại Trạm y tế xã, phường, thị trấn, Phòng khám đa khoa khu vực, Nhà hộ sinh, Trung tâm y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và bệnh viện

tuyến huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

Trong thời gian áp dụng mức phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức y tế dự phòng, y tế cơ sở quy định tại khoản 7 này thì không áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 và quy định đối với viên chức thường xuyên, trực tiếp làm chuyên môn y tế dự phòng tại khoản 4 Điều 3.

Các cơ sở y tế công lập căn cứ quy định tại Nghị định này xác định nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022 và năm 2023

Các cơ sở y tế công lập căn cứ quy định tại Nghị định này xác định nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022 và năm 2023; nguồn kinh phí thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ. Trường hợp đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện, cơ sở y tế công lập gửi cơ quan chủ quản, đơn vị dự toán cấp I báo cáo nhu cầu kinh phí và dự kiến sử dụng các nguồn kinh phí theo quy định, trong đó nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ để rà soát, thẩm định, gửi cơ quan tài chính cùng cấp chậm nhất trước ngày 31 tháng 3 năm 2023 để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 theo quy định.

Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm bố trí kinh phí theo phân cấp quản lý ngân sách để thực hiện.

Việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu đề

ngợi ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày 01/1/2024 trở đi, mức phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với cán bộ y tế dự phòng, y tế cơ sở thực hiện theo quy định khoản 1 đến khoản 6 Điều 3 Nghị định số 56/2011/NĐ-CP, Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

3.5.2. Quy định mới về kiểm định chất lượng trước khi tham gia thi tuyển vào làm công chức Nhà nước



Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 của Chính phủ quy định Tổ chức kiểm định chất lượng trước khi tham gia tuyển dụng công chức tại cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện. Người tham gia tuyển dụng vào làm công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện; được tổ chức kiểm định chất lượng trước khi tham gia tuyển dụng công chức tại cơ quan có thẩm quyền. Việc kiểm định chất lượng đầu vào công chức này áp dụng đối với người đăng ký tuyển dụng vào

công chức thông qua hình thức thi tuyển với các quy định cụ thể về việc thực hiện kiểm định chất lượng đầu vào như sau:

- Hình thức kiểm định: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

- Nội dung kiểm định: Đánh giá năng lực tư duy, năng lực ứng dụng kiến thức vào thực tiễn; hiểu biết chung, cơ bản của thí sinh về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước; quản lý hành chính nhà nước; quyền, nghĩa vụ của công chức, đạo đức công vụ; kiến thức về xã hội, văn hóa, lịch sử.

- Thời gian, số lượng câu hỏi kiểm định:

+ Kiểm định chất lượng đầu vào đối với người tham gia thi tuyển vào vị trí việc làm có yêu cầu trình độ đại học trở lên: 120 phút, số lượng câu hỏi 100 câu.

+ Kiểm định chất lượng đầu vào đối với người tham gia thi tuyển vào vị trí việc làm có yêu cầu trình độ trung cấp, cao đẳng: 100 phút, số lượng câu hỏi 80 câu.

- Kết quả kiểm định chất lượng đầu vào công chức có giá trị sử dụng trong thời hạn 24 tháng trong phạm vi toàn quốc.

Việc kiểm định chất lượng, đánh giá, công nhận kiến thức nền tảng cần thiết đối với thí sinh trước khi tham gia tuyển dụng công chức tại cơ quan có thẩm quyền được quy định cụ thể tại Nghị định số 06/2023/NĐ-CP, ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ về Kiểm định chất lượng đầu vào công chức có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2023.

3.7. Chính phủ ban hành Nghị định mới để giải quyết tình trạng thiếu thuốc, vật tư y tế

Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà vừa ký ban hành [Nghị định số 07/2023/NĐ-CP](#) ngày 03/03/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 8/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế (TTBYT) nhằm giải quyết các tồn tại, hạn chế, bất cập phát sinh trong thời gian vừa qua.

Nghị định này nhằm giải quyết tình trạng thiếu trang thiết bị do số giấy phép nhập khẩu TTBYT đã được cấp từ ngày 1/1/2018 đến ngày 31/12/2021 hết hạn vào ngày 31/12/2022 và số đăng ký lưu hành TTBYT là sinh phẩm chẩn đoán in vitro đã được cấp từ ngày 1/1/2014 đến ngày 31/12/2017 hết hạn vào ngày 31/12/2022 (trong khi đó tiến độ cấp mới số lưu hành TTBYT chậm, không đáp ứng nhu cầu. Cụ thể, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP quy định: Giấy phép nhập khẩu TTBYT đã được cấp từ ngày 1/1/2018 đến 31/12/2021 được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31/12/2024; Số đăng ký lưu hành đối với TTBYT là sinh phẩm chẩn đoán in vitro đã được cấp từ ngày 1/1/2014 đến ngày 31/12/2019 được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31/12/2024.

Nghị định nêu rõ, các tổ chức đã được cấp giấy phép nhập khẩu, số lưu hành TTBYT phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm bảo đảm chất lượng, số lượng, chủng loại, mục đích sử dụng của TTBYT. Bộ Y tế sẽ thực hiện thanh tra, kiểm tra và thu hồi giấy phép nhập khẩu, số lưu hành TTBYT đối với các trường hợp vi phạm quy định về quản lý

TTBYT. Mặt khác, theo Nghị định này, quản lý TTBYT, từ nay sẽ chuyển từ hình thức tiền kiểm sang hậu kiểm, số lưu hành có giá trị không thời hạn gắn với trách nhiệm của doanh nghiệp về thông tin TTBYT và trách nhiệm của các cơ quan quản lý trong tổ chức thanh tra, kiểm tra. Trong thời gian từ nay đến 31/12/2024 Bộ Y tế tập trung triển khai thực hiện việc cấp giấy phép lưu hành để thay thế hoàn toàn cho các giấy phép nhập khẩu.

Đồng thời Nghị định cũng quy định về trách nhiệm hậu kiểm của Bộ Y tế; bổ sung Điều 39a về việc xử lý thiết bị y tế sau khi thu hồi số lưu hành. Theo đó, các TTBYT đã bán cho các cơ sở y tế hoặc người sử dụng được tiếp tục sử dụng đến khi bị thanh lý theo quy định pháp luật hoặc đến khi hết hạn sử dụng của sản phẩm, trừ các TTBYT không thể khắc phục được yếu tố lỗi gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người sử dụng theo quy định. Trường hợp TTBYT có số lưu hành bị thu hồi nhưng chưa bán đến người sử dụng hoặc cơ sở y tế, chủ sở hữu số lưu hành có trách nhiệm dừng lưu hành TTBYT và thực hiện các biện pháp thu hồi các TTBYT.

Nghị định số 07/2023/NĐ-CP quy định thực hiện niêm yết giá đối với tất cả TTBYT tại các địa điểm quy định của pháp luật về giá hoặc trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế. Chỉ thực hiện kê khai giá đối với TTBYT khi có biến động bất thường về giá ảnh hưởng đến nguồn cung cấp TTBYT, khả năng chi trả của người mua, khả năng thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế (quy định hiện hành yêu cầu phải kê khai giá TTBYT đối với tất cả hơn 200.000 chủng loại, mỗi chủng loại lại có nhiều cấu hình, tính năng kỹ thuật khác nhau... gây quá tải cho ngành y tế, không đảm bảo cập nhật kịp thời). Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, cập nhật, sửa đổi, bổ sung danh mục và nội dung thông tin TTBYT phải kê khai giá. Nội dung, hình thức, trình tự thủ tục kê khai giá TTBYT thực hiện theo quy định của pháp luật về giá hoặc trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế.

Chính phủ cũng đã xem xét để ban hành Nghị quyết của Chính phủ để thí điểm các cơ chế chính sách để bảo đảm thuốc, TTBYT và thanh toán chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế phù hợp với điều kiện đặc thù của lĩnh vực y tế cho đến khi các văn bản pháp quy có liên quan được ban hành...

4. Bản án xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao (từ 24/12/2022-08/03/2023)

(Nguồn: congbobanan.toaan.gov.vn)

Trong quý này bản tin số cung cấp các bản án theo lĩnh vực được đề cập tại góc trao đổi là lĩnh vực dân sự và lĩnh vực hình sự.

4.1. Lĩnh vực Dân sự: 45 bản án

Bản án: số 08 ngày 07/01/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Bản án: số 31/2023/DS-PT ngày 13/02/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về danh dự, nhân phẩm, uy tín

Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Đức K (do người đại diện theo ủy quyền của ông K là bà Nguyễn Thị Kim T thực hiện); giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2022/DS-ST ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ

Bản án: số 32/2023/DS-PT ngày 13/02/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thu Th; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2022/DS-ST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu

Bản án: số 44/2023/DS-PT ngày 15/02/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Y án sơ thẩm

Bản án: số 57 ngày 21/02/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Bản án: số 07/2023/DS-PT ngày 05/01/2023 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: không chấp nhận kháng cáo của ông Lương Công H và bà Nguyễn Thị Hoa T và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên

Bản án: số 53 ngày 20/02/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Ông Nguyễn Văn Th khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn T trả lại phần đất tại khu B1 diện tích 110,1m², khu B diện tích 9,8m², khu C diện tích 51,8m², khu L diện tích 56,1m², khu M diện tích 8,6m², khu N diện tích 23,2m², khu O diện tích 11,1m²; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T đối với phần đất tranh chấp. Trên phần đất tranh chấp hiện nay có các bụi Tre Mạnh Tông do ông T

trồng, có các cây Tràm cừ, các cây Dừa ăn trái do ông Th trồng. Trước đây ông T có đồn 22 cây Tràm do ông Th trồng trên phần đất tranh chấp nên ông yêu cầu ông T phải bồi thường cho ông giá trị 22 cây Tràm với số tiền 440.000 đồng.

Bản án: số 06/2023/DS-PT ngày 05/01/2023 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – ông Nguyễn T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07 /2022/DS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Bản án: số 12/2023/DS - PT ngày 09/01/2023 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – bà Trịnh Ngọc S và ông Đỗ Tấn V. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Bản án: số 49 ngày 17/02/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: - Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Ngọc Q trả cho nguyên đơn quyền sử dụng đất có diện tích 200m² thuộc một phần thửa 79, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi đo vẽ hiện trạng, trừ đi phần đất đã bị thu hồi để làm đường, nguyên đơn xác định yêu cầu ông Q trả cho nguyên đơn và các con là Nguyễn Thị Minh Th1, Nguyễn Thị Minh Ng phần diện tích đất 111,3m², được chú thích tại vị trí số 7+8 của Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 30/3/2020 của Trung tâm đo đạc bản đồ Thành phố Hồ Chí Minh. - Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00347 ngày 24 tháng 10 năm 2005 do UBND huyện C cấp cho bà Võ Thị B, cập nhật biến động cho ông Huỳnh Ngọc Q ngày 28/6/2011. Đối với căn nhà đang hiện hữu trên đất, bà Th đồng ý trả cho ông Q giá trị công trình xây dựng đã được thẩm định giá là 336.660.240 đồng.

Bản án: số 35/2023/DS-PT ngày 14/02/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm

Bản án: số 42 ngày 15/02/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: sửa một phần án sơ thẩm về án phí

Bản án: số 06/2023/DS-PT ngày 09/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

Thông tin về vụ/việc: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật

Bản án: số 13/2023/DS-PT ngày 09/01/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

Thông tin về vụ/việc: NKK Hoàng Thị C - NBK: Công ty TNHH MNL VN

Bản án: số 398/2022/DS-PT ngày 26/12/2022 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về thừa kế tài sản

Thông tin về vụ/việc: Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy GCNQSD đất

Bản án: số 18/2023/DSPT ngày 10/01/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về thừa kế tài sản

Thông tin về vụ/việc: Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Đỗ Văn T1, bà Đỗ Thị N3 về phần án phí. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Đỗ Thị T; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST, ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên

Bản án: số 24/2023/DS-PT ngày 08/02/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về thừa kế tài sản

Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn B, bà Bùi Thị Ngọc S có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 998/2018/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án: số 20 ngày 12/01/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Vụ án tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu huỷ GCNQSDĐ

Bản án: số 17/2023/DS-PT ngày 12/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

Thông tin về vụ/việc: giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm

Bản án: số 636/2022/DS-PT ngày 30/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản

Thông tin về vụ/việc: Trần Thị Xuân L kiện Trần Thị H về việc “Tranh chấp Quyền sở hữu nhà, tranh chấp Quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức”

Bản án: số 40 ngày 15/02/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về thừa kế tài sản

Thông tin về vụ/việc: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm

Bản án: số 13/2023/DS-PT ngày 10/01/2023 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Lê Thị N; không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Bản án: số 265/ 2022/DS-PT ngày 28/12/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn N; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Bản án: số 09/2023/DS-PT ngày 05/01/2023 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ông Phùng Văn D; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Bản án: số 13/2023/DS-PT ngày 11/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: ông H kiện bà S phải chia di sản thừa kế của ông bà để lại trong đó chia cho ông phần đất có căn nhà cũ của ông bà và không đồng ý tính công sức cho người gìn giữ di sản ông Nguyễn Hữu H

Bản án: số 266/2022/DS-PT ngày 29/12/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc H1, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án: số 10/2023/DSPT ngày 05/01/2023 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

Thông tin về vụ/việc: - Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị T và anh Đinh Duy Quốc T. - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 18-4-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Bản án: số 05/2022/DS-PT ngày 05/01/2023 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Khắc H là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cụ Nguyễn Đăng T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 31-8-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định

Bản án: số 04/2023/DS-PT ngày 05/01/2023 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn chị Lê Thị H, sửa bản án sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị

Bản án: số 02/2023/DS - PT ngày 05/01/2023 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 2059/2022/QĐ-SCBSBA ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Bản án: số 11/2023/DS-PT ngày 09/01/2023 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: không chấp nhận kháng cáo của ông Kiều Văn C và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên

Bản án: số 08/2023/DS-PT ngày 05/01/2023 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị

Bản án: số 837 ngày 30/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản

Thông tin về vụ/việc: sửa bản án dân sự sơ thẩm về án phí

Bản án: số 04 ngày 06/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp đất đai đối với đất nông nghiệp để trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản

Thông tin về vụ/việc: y án st

Bản án: số 16/2023/DS-PT ngày 12/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

Áp dụng án lệ: Có áp dụng

Thông tin về vụ/việc: Chấp nhận một phần kháng cáo, hủy một phần Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại

Bản án: số 15/2023/DS-PT ngày 12/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm

Bản án: số 07 ngày 04/01/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp đất đai

Thông tin về vụ/việc: N-H tranh chấp liên quan lối đi

Bản án: số 03 ngày 06/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về thừa kế tài sản

Thông tin về vụ/việc: Sửa Bản án dân sự sơ thẩm

Bản án: số 827 ngày 27/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp đất đai về đòi đất cho mượn, cho sử dụng nhờ, lấn chiếm...

Thông tin về vụ/việc: Bà Ông Thị Ng khởi kiện yêu cầu xác định bức tường phân định giữa hai nhà L20 Cư xá P, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Ông Thị Ng theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số /GCN – UB ngày 01/12/1999 và nhà L21 Cư xá P, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Lục K và bà Lê Thị Th, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà sử dụng đất ở số 5821/2008 ngày 01/12/2008, là tường chung.

Bản án: số 834/2022/DS-PT ngày 29/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự

Thông tin về vụ/việc: giữ nguyên bản án sơ thẩm

Bản án: số 835/2022/DS-PT ngày 29/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Bản án: số 262/2022/DS-PT ngày 27/12/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trương Minh H, bà Nguyễn Thị H1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định

Bản án: số 267/2022/DS-PT ngày 29/12/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về thừa kế tài sản

Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị T. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lưu Văn Minh H6 và sửa một phần bản án sơ thẩm về số tiền chi phí cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 103 đường Đ, phường T2, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án: số 264/2022/DS - PT ngày 28/12/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 17/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án: số 838 ngày 30/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu

Thông tin về vụ/việc: Công ty Q khởi kiện yêu cầu Tòa án: 1. Tuyên Hủy đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 021627, quyền số 06 tại Phòng công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh công chứng ngày 03/6/2013 đối với thửa đất số 2 + MP3, tờ bản đồ số 4, phường T, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh ký giữa Công ty Q và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V vô hiệu. 2. Xóa đăng ký biến động quyền sử dụng đất ngày 21/10/2014 do Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, số công chứng 021627 ngày 03/6/2013 tại Phòng công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Lĩnh vực Hình sự: 72 bản án

Bản án: số 100/2023/HS-PT ngày 06/03/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Phạm Phú L - phạm tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng (điều 360 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Chấp nhận một phần kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt

Bản án: số 584/2022/HS-PT ngày 29/12/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đặng Công H - Bị truy tố tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 81/2022/HS-ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Giao hồ sơ về Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng để điều tra lại theo thủ tục chung.

Bản án: số 59/2023/HS-PT ngày 13/02/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Phạm Ngọc T và đồng phạm - phạm tội giả mạo trong công tác (điều 359 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm, kiến nghị TANDTC xem xét hủy cả hai bản án

Bản án: số 585/2022/HS-PT ngày 29/12/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Nguyễn Văn T - phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 40 của Bộ luật Hình sự; khoản 4 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án. Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày án có hiệu lực bị cáo có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước để xin ân giảm án tử hình.

Bản án: số 14/2023/HSPT ngày 17/02/2023 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Hoàng Ngọc P - phạm tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc (điều 322 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: 1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Ngọc P và giữ nguyên bản án sơ thẩm. 2. Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 322; Điều 38; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt Hoàng Ngọc P 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 14/10/2021 đến ngày 24/01/2022.

Bản án: số 17 ngày 10/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Văn Huy - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Sửa án sơ thẩm

Bản án: số 85/2023/HS-PT ngày 23/02/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Văn H4 bị xét xử về tội "Đánh bạc" - phạm tội đánh bạc (điều 321 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: giữ nguyên bản án sơ thẩm

Bản án: số 02/2023/HS-PT ngày 04/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

LÊ THỊ THANH T & ĐỒNG PHẠM - phạm tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí (điều 219 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Sửa một phần bản án sơ thẩm

Bản án: số 02/2023/HS-PT ngày 09/01/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Nguyễn Huy T - “Đánh bạc - phạm tội đánh bạc (điều 321 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Nguyễn Huy T - “Đánh bạc

Bản án: số 56/2023/HS-PT ngày 09/02/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Quách Xuân M - Mua bán trái phép chất ma túy - phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Quách Xuân M - Mua bán trái phép chất ma túy

Bản án: số 55/2023/HS-PT ngày 09/02/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Lê Trung Đ - Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy - phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (điều 255 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Lê Trung Đ - Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

Bản án: số 31 ngày 13/01/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Phạm Thanh H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng cáo của chị Vũ Thị Hồng Q. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 199/2022/HSST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội:

Bản án: số 62/2023/HS-PT ngày 15/02/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Diệp Kiến L và đồng phạm phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Văn L; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Diệp Kiến L, Trần Ngọc C. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 392/2022/HS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn L.

Bản án: số 48/2023/HS-PT ngày 01/02/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Đặng Ngọc H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Đặng Ngọc H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thành phố H

Bản án: số 970/2022/HS-PT ngày 27/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Văn D - phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Thanh B. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2022/HS-ST ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Bản án: số 86 ngày 20/02/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội

BTPT phạm tội tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép - phạm tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép (điều 348 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: BTPT phạm tội tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép

Bản án: số 73 ngày 16/02/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội

TTH phạm tội tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép - phạm tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép (điều 349 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: TTH phạm tội tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép

Bản án: số 987/2022/HS-PT ngày 29/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đặng Vũ L - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Vũ L và người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Bùi Thị Bích T2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 104/2022/HS-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Bản án: số 46/2023/HS-PT ngày 06/02/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Lê Quang C - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Quang C. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 371/2022/HS-ST ngày 18/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án: số 66 ngày 16/02/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Bị cáo Huỳnh Thị Kim N - phạm tội tham ô tài sản (điều 353 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Giữ nguyên án sơ thẩm.

Bản án: số 58/2023/HS-PT ngày 10/02/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Anh K bị xét xử về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" - phạm tội vận chuyển trái phép chất ma túy (điều 250 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: giữ nguyên bản án sơ thẩm

Bản án: số 32/2023/HS-PT ngày 12/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Như V - phạm tội giả mạo trong công tác (điều 359 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Sửa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Bản án: số 25/2023/HS-PT ngày 11/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Ngô Đức Quý và đồng phạm - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Y án

Bản án: số 580/2022/HS-PT ngày 26/12/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Phạm Công C - phạm tội vận chuyển trái phép chất ma túy (điều 250 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Công C và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 66/2022/HS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

Bản án: số 578/2022/HS-PT ngày 26/12/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Hoàng Ngọc T và các bị cáo khác - phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Ngọc T, Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác: Tèo) và Phạm Nguyễn Tấn P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. 1. Căn cứ: Điểm h khoản 4 Điều 251, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 51, Điều 40 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Hoàng Ngọc T Tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. 2. Căn cứ: Điểm h khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 40 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Nguyễn Văn Đ Tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. - Căn cứ khoản 4 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Hoàng Ngọc T và Nguyễn Văn Đ để đảm bảo việc thi hành án. Trong thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay, các bị cáo Hoàng Ngọc T, Nguyễn Văn Đ có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để xin ân giảm án tù hình. 3. Căn cứ: Điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Phạm Nguyễn Tấn P 20 (Hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam ngày 05/7/2021.

Bản án: số 579/2022/HS-PT ngày 26/12/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

ĐẶNG THUY D - phạm tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép (điều 348 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đặng Thuy D về việc xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; sửa phần hình phạt Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2022/HS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

Bản án: số 23/2023/HS-PT ngày 11/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Văn D bị xét xử về tội "Giết người" - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: do mâu thuẫn trong giao tiếp mà bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi dùng dao đâm bị hại Lâm Văn T gây thủng ngực, thủng tim, chết do choáng mất máu.

Bản án: số 48 ngày 08/02/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Trần Thị H - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Bị cáo Trần Thị H biết vợ chồng bà Trần Thị Q, ông Trần Đình B có nhu cầu xin việc cho con là Trần Thị D, từ đó nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà

Q, ông B. Bị cáo đưa ra thông tin có quen biết với Phó Tổng Giám đốc Công ty T, có khả năng xin cho cháu D và ông B vào làm việc tại Cảng C. Sau đó, bị cáo mua sim rác mạo danh người của Cảng C, Công ty T liên hệ với cháu D thông báo sắp được nhận vào làm. Tin tưởng các thông tin mà bị cáo đưa ra, bà Q, ông B nhiều lần đưa tiền cho bị cáo, tổng cộng 966.793.000 đồng. Sau khi nhận số tiền trên, bị cáo sử dụng hết vào việc cá nhân.

Bản án: số 55 ngày 10/02/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Lê Ngọc Kh - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2019, bị cáo Lê Ngọc Kh và Châu Tấn Th được một người tên L (không rõ nhân thân, lai lịch) thuê đóng giả bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn Th1 và dùng giấy chứng minh nhân dân giả mang tên bà H, ông Th1 để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 59, tờ bản đồ số 16, phường P, Quận 9 (nay là thành phố T) cho bà Nguyễn Thị Hồng Ph, chiếm đoạt của bà Ph 8.000.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo tiếp tục đóng giả bà Nguyễn Thị Kim Y để ký hợp đồng chuyển nhượng căn nhà số 7/39 đường số 7, Phường 7, quận G cho ông Ngô Minh Th2 nhằm chiếm đoạt số tiền 6.050.000.000 đồng thì bị phát hiện.

Bản án: số 49 ngày 08/02/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Huỳnh Thái B và đồng phạm phạm tội Giết người - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Thái B, Nguyễn Chế C. Không chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Bản án: số 583/2022/HS-PT ngày 26/12/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đặng Thế B cùng đồng phạm - phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự (điều 201 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: . Áp dụng Điều 342; Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Đặng Thế B, Vương Quốc T, Trần Quốc Đ2, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Bá D, Lê Văn T1, Đặng Bá T3, Đặng Minh H3 và bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 26/12/2022 đối với các bị cáo Đặng Thế B, Vương Quốc T, Trần Quốc Đ2, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Bá D, Lê Văn T1, Đặng Bá T3, Đặng Minh H3. 2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh V1, Lê Bình M, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 72/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bản án: số 07/2023/HS-PT ngày 14/02/2023 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Phan Đức H - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Đức H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 66/2022/HSST ngày 28/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Bản án: số 01/2023/HS-PT ngày 04/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Văn Phương - phạm tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức (điều 341 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Sửa án sơ thẩm

Bản án: số 983/2022/HS-PT ngày 29/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Bùi Viết D (đầu vụ) - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Sửa án sơ thẩm

Bản án: số 907 ngày 26/12/2022 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Vụ án phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Vụ án phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Bản án: số 908 ngày 26/12/2022 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Vụ án phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy - phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Vụ án phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy

Bản án: số 22/2023/HS-PT ngày 12/01/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Phạm Thị H phạm tội "Tổ chức đánh bạc" - phạm tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc (điều 322 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Phạm Thị H phạm tội "Tổ chức đánh bạc" tỉnh C

Bản án: số 01/2023/HS-PT ngày 09/01/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Đặng Văn Q phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Đặng Văn Q phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" thành phố H

Bản án: số 10/2023/HS-PT ngày 09/01/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Trần Huy T, Trần Huy L phạm tội "Cố ý gây thương tích" - phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (điều 134 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Trần Huy T, Trần Huy L phạm tội "Cố ý gây thương tích" thành phố H

Bản án: số 26/2023/HS-PT ngày 12/01/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội

"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"; "Trốn thuế"; "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước" và tội "Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng" - phạm tội làm giả con dấu, tài liệu cơ quan (điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999)

Thông tin về vụ án: Nguyễn Văn D phạm các tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"; "Trốn thuế"; "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước" và tội "Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng" tỉnh B

Bản án: số 01/2023/HS-PT ngày 09/01/2023 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Phạm Tuấn A - Bị truy tố tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng của bị cáo Phạm Tuấn A; hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2022/HSST ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, phần liên quan đến bị cáo Phạm Tuấn A. Giao hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình điều tra lại theo đúng quy định pháp luật. Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Tuấn A cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý lại vụ án.

Bản án: số 962/2022/HS-PT ngày 26/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Phan Đình Đ - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Đình Đ. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 434/2022/HS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Bản án: số 04/2023/HS-PT ngày 05/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Tổng Đức M - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tổng Đức M; chấp nhận kháng cáo của bị hại là ông Tống Minh Th. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 139/2022/HS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, giảm hình phạt cho bị cáo Tổng Đức M.

Bản án: số 30/2023/HS-PT ngày 12/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Trịnh Văn T - Bị truy tố tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trịnh Văn T. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2022/HS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai để điều tra lại theo quy định pháp luật.

Bản án: số 47/2023/HS-PT ngày 08/02/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Võ Chí C - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Y án sơ thẩm

Bản án: số 45/2023/HS-PT ngày 16/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Phạm Trí Đ bị xét xử về tội "Giết người" - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: sửa bản án sơ thẩm

Bản án: số 09 ngày 09/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Võ Đức BC1 và các bị cáo khác bị xét xử về tội "Giết người" - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm

Bản án: số 03 ngày 05/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Võ Anh Đ và các bị cáo khác bị xét xử - phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: - Võ Anh Đ phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". - Đặng Xuân A phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy", "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy". - Nguyễn Hòa B phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" và "Mua bán trái phép chất ma túy". - Hoàng Trung C phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy"

Bản án: số 39 ngày 13/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Thị C bị xét xử - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Bị cáo Nguyễn Thị C phạm tội “Giết người”.

Bản án: số 985/2022/HS-PT ngày 29/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

TRẦN VĂN T - phạm tội vi phạm các quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên (điều 227 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: GIỮ NGUYÊN BẢN ÁN SƠ THẨM

Bản án: số 988 ngày 30/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Bị cáo Phan Thành A phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” - phạm tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép (điều 348 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: giữ nguyên bản án sơ thẩm

Bản án: số 06 ngày 05/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Hoàng T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Nguyễn Hoàng T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Bản án: số 37/2023/HS-PT ngày 12/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Hoàng Đăng T bị xét xử về tội "Tham ô tài sản" - phạm tội tham ô tài sản (điều 353 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: giữ nguyên bản án sơ thẩm

Bản án: số 975 ngày 28/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đỗ hùng tuần cùng đồng phạm-giết người - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: y án st

Bản án: số 15/2023/HS-PT ngày 11/01/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Vụ án Đỗ Thái S phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Vụ án Đỗ Thái S phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Bản án: số 04/2023/HS-PT ngày 09/01/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Vụ án Đào Thị Th phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Vụ án Đào Thị Th phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Bản án: số 32/2023/HS-PT ngày 13/01/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Vụ án Nguyễn Thanh Th và Nguyễn Cảnh H phạm tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép” - phạm tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép (điều 348 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Vụ án Nguyễn Thanh Th và Nguyễn Cảnh H phạm tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”

Bản án: số 916/2022/HS-PT ngày 30/12/2022 của TAND cấp cao tại Hà Nội

Lê Văn Lưu, Đào Văn Hải, Phạm Văn Dũng - phạm tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép (điều 348 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Tổ chức cho người nước ngoài nhập cảnh trái phép

Bản án: số 03 ngày 09/01/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội

NXT Giết người - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: NXT Giết người

Bản án: số 586/2022/HS-PT ngày 29/12/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Phan Minh T - phạm tội cướp giật tài sản (điều 171 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Minh T; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2022/HS-ST ngày 24/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bản án: số 587/2022/HS-PT ngày 29/12/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đàm Văn L - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đàm Văn L; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2022/HS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bản án: số 582/2022/HS-PT ngày 26/12/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Nguyễn Đức T, Hoàng Văn H - phạm tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm (điều 191 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T và bị cáo Hoàng Văn H; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2022/HS-ST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bản án: số 31/2023/HS-PT ngày 12/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Võ Văn T - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm

Bản án: số 21 ngày 10/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Phạm Hoàng Duy - phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Bản án: số 20 ngày 10/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Trần Đình Ph - phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Trần Đình Ph và Đoàn Thị Ái D sống chung với nhau như vợ chồng tại chung cư T, đường TTN 08, khu phố 5, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và cả hai thống nhất cùng mua bán trái phép chất ma túy nhằm thu lợi bất chính. Vào khoảng 13 giờ ngày 05/4/2021, Đặng Anh T gọi điện cho D hỏi mua 1.000 viên ma túy loại thuốc lắc với giá 150.000.000 đồng. D đồng ý và điện thoại cho Ph để Ph tìm ma túy như T đặt. Ph liên hệ với T Đầu Lân để mua ma túy. Quá trình vận chuyển về chung cư T để đưa cho D thì bị Công an phát hiện bắt giữ cùng tang vật qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 388,5879 gam, loại MDMA. Khám xét nơi ở của D và Ph tại căn hộ số B10.08, cơ quan điều tra thu giữ được 587,0527 gam MDMA, 770,2609 gam MA, 74,9124 gam Ketamine, 3,7295 gam 2C-B và 14,6240 gam loại MA, MDMA, Ketamine. Tổng cộng khối lượng ma túy thu giữ được liên quan đến hành vi phạm tội của Đoàn Thị Ái D là 1.839,1674 gam ma túy thể rắn các loại.

Bản án: số 7 ngày 09/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Huỳnh Vũ L - phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Lúc 20 giờ 40 phút ngày 16/8/2021, lực lượng chốt kiểm dịch Covid 19 của Công an Thành phố C thực hiện nhiệm vụ kiểm soát người qua lại tại khu vực tổ 19, khóm 2, Phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, phát hiện Nguyễn Phú D đang ôm một thùng giấy carton lén lút đi qua con hẻm cạnh chốt kiểm dịch nhưng không khai báo nên Tổ công tác yêu cầu D đến chốt kiểm dịch để kiểm tra nhân thân và hàng hoá mang theo. Qua kiểm tra phát hiện bên trong thùng giấy carton ghi dòng chữ “Huỳnh Vũ L” có một gương cầm tay để gương bằng nhựa màu trắng, bên trong đế gương có một bịch nylon màu trắng dạng nắp kẹp có viền màu đỏ, bên ngoài bịch nylon có ghi dòng chữ “H Đồng Tháp” bằng mực màu xanh, bên trong bịch nylon có chứa nhiều tinh thể rắn màu trắng. D khai nhận tinh thể rắn màu trắng bên trong bịch nylon là ma túy đá, bịch ma túy này là của một người tên Huỳnh Vũ L, ngụ xã P1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nhờ D đi nhận giùm cho L nên lực lượng Công an lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Phú D.

Bản án: số 08 ngày 09/01/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Trần Thiện T - phạm tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc (điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999)

Thông tin về vụ án: Khoảng 13 giờ 00 ngày 10/01/2021, Phòng Cảnh sát hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh Ph hiện bắt quả tang các bị cáo có hành vi sử dụng mặt bằng tại địa chỉ số đường B1, ấp 2, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để tổ chức đá gà cá cược thắng thua bằng tiền. Trong đó, bị cáo T là người đứng ra tổ chức, liên lạc với các chủ gà, người tham gia cấp độ, làm trọng tài phân xử thắng thua, thu trả tiền của các bên cá cược và thu tiền xâu. Trong ngày 10/01/2021, T đã cùng H1, Ph, Tr, H tổ chức được 07 độ đá gà, thu được tiền xâu 2.750.000 đồng. Trong đó có 02 độ gà đủ căn cứ để xử lý hình sự. Số tiền dùng vào việc đánh bạc do T và đồng phạm được xác định là 26.500.000 đồng. Đối với hành vi đánh bạc của Lê Võ C đã chứng minh số tiền tham gia đánh bạc là 21.000.000 đồng.

Bản án: số 981/2022/HS-PT ngày 29/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Vĩnh T - phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm

Bản án: số 984 ngày 29/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Phan Thị H - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999)

Thông tin về vụ án: Do không có nghề nghiệp, nợ nần tiền bạc của nhiều người nên để có tiền tiêu xài và trả nợ, từ năm 2014 đến tháng 5/2015, Phan Thị H đã thực hiện các hành vi gian dối như: Tự trang bị đồng phục công sở có logo VBank cài áo, giới thiệu bản thân là nhân viên Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (viết tắt là VBank) có khả năng và điều kiện mua - bán nhà đất đang bị ngân hàng phát mãi với giá rẻ hơn giá thị trường; mua và sử dụng con dấu giả, thuê Đỗ Thị Kim Ng (là người làm nghề kinh doanh dịch vụ tin học văn phòng, in ấn tài liệu) tạo ra hồ sơ tài liệu giả mạo bằng thiết bị công nghệ tin học văn phòng rồi sử dụng để lừa dối chiếm đoạt tiền của người khác thông qua các giao dịch chuyển nhượng nhà đất, góp vốn cùng mua đất, xin việc làm....

Bản án: số 986/2022/HS-PT ngày 29/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Lê Đức V bị xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" - phạm tội trộm cắp tài sản (điều 173 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: giữ nguyên bản án sơ thẩm

Bản án: số 973/2022/HS-PT ngày 27/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Phan Thanh M bị xét xử về tội "Giết người" - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: giữ nguyên bản án sơ thẩm

Bản án: số 963/2022/HS-PT ngày 26/12/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Ngô Quang D - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm